

LỜI MỞ ĐẦU

Đứng đầu xu thế toàn cầu hoá đang cạnh tranh mạnh mẽ, vấn đề hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp không những là thước đo phản ánh trình độ tổ chức quản lí mà nó còn quyết định tới sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Ngày nay, các sản phẩm hàng hoá làm ra ngày càng nhiều, tình trạng cung vượt quá cầu tăng cao, điều đó có nghĩa là không phải sản phẩm nào làm ra cũng được tiêu thụ mà việc tiêu thụ sản phẩm trên thị trường là một vấn đề lớn mà các nhà đầu tư cần phải quan tâm. Chỉ có tiêu thụ được sản phẩm hàng hoá, doanh nghiệp mới tạo ra chi phí, mở rộng quy mô hoạt động, thực tiễn nghĩa vụ với nhà nước. Nếu kết quả tiêu thụ không đủ để bù đắp những khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài thì doanh nghiệp sẽ đứng trước nguy cơ bị phá sản.

Để đảm bảo hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động trong lĩnh vực tiêu thụ hàng hoá sản phẩm nói riêng phát triển thì chúng ta không thể coi nhẹ vấn đề hoạch toán kế toán. Trong thời gian qua, công tác hoạch toán kế toán dần được hoàn thiện, nhưng thực tế vẫn còn nhiều vấn đề đòi hỏi phải có sự quan tâm nghiên cứu, đưa ra một phương pháp thống nhất trong công tác hoạch toán kế toán để doanh nghiệp có thể nắm bắt thông tin một cách thường xuyên, chính xác và đầy đủ.

Nhận thức được vai trò quan trọng của kế toán, thông qua quá trình thực tập nghề nghiệp này, chúng em có thể gắn kết lý thuyết với thực tiễn sản xuất kinh doanh, tiếp cận tình hình sản xuất tại đơn vị, tìm hiểu quy trình làm việc, tổ chức bộ máy kế toán trong một đơn vị thực tế là như thế nào.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Năng lượng Bình An, em đặc biệt quan tâm tới vấn đề thành phẩm, giá vốn, chi phí, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty và qua đó muốn đưa một vài ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị thực tập. Cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn là và các cán bộ phòng kế toán, em đã hoàn thành chuyên đề với đề tài: “Kế toán thành phẩm, chi phí và xác định kết

quả bán hàng của Công ty Năng lượng Bình An”. Do thời gian và khả năng có hạn, chuyên đề không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong được sự chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Nguyễn Thị Hoan

Phần I : CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

VỀ KẾ TOÁN THÀNH PHẨM, GIÁ VỐN, CHI PHÍ, TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Các khái niệm, nguyên tắc về kế toán.

***Các khái niệm kế toán:**

- Kế toán là một môn khoa học thu thập và xử lý, cung cấp thông tin về tình hình tài sản và sự vận động của tài sản cho các đối tượng sử dụng trong và ngoài doanh nghiệp.
- Kế toán là công việc ghi chép tính toán bằng con số dưới hình thức giá trị hiện vật và thời gian lao động chủ yếu là dưới hình thức giá trị để phản ánh kiểm tra tình hình vận động tài sản và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*** Các nguyên tắc kế toán cơ bản:**

- 1) Cơ sở dồn tích: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải được ghi sổ tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hay chi tiền.
- 2) Hoạt động liên tục: Báo cáo tài chính của Doanh nghiệp phải được lập trên cơ sở giả định doanh nghiệp đang hoạt động bình thường và vẫn hoạt động bình thường trong tương lai gần. Nghĩa là phải lập báo cáo tài chính theo giá gốc và không quan tâm tới giá thị trường.
- 3) Nguyên tắc giá gốc: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp đã trả, phải trả hoặc tính

theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm ghi nhận.

4) Nguyên tắc phù hợp: Đòi hỏi doanh thu và chi phí phải được ghi nhận phù hợp với nhau, khi ghi nhận một khoản doanh thu thì cũng đồng thời phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng doanh thu đó.

5) Nguyên tắc nhất quán: Đòi hỏi các chính sách và phương pháp kế toán mà doanh nghiệp lựa chọn phải được áp dụng thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán năm.

6) Nguyên tắc thận trọng: Nghĩa là người kế toán phải tìm các giải pháp sao cho ít ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu nhằm tránh rủi ro trong kinh doanh, nghĩa là: phải trích lập dự phòng nhưng không lập quá lớn; không đánh giá cao hơn giá trị của tài sản và các khoản doanh thu; không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản chi phí và các khoản phải trả; doanh thu chỉ ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn, còn chi phí được ghi nhận ngay khi có bằng chứng về khả năng phát sinh.

7) Nguyên tắc trọng yếu: Chủ yếu phản ánh các tài khoản, mục đích mang tính chất trọng yếu.

2. Nhiệm vụ của kế toán thành phẩm,

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, mẫu mã đẹp, giá cả hợp lý để được khách hàng chấp nhận là vấn đề quan trọng thậm chí là tiêu chí phân đấu không ngừng của mỗi doanh nghiệp. Để đạt được điều này đòi hỏi các doanh nghiệp cần thực hiện hàng loạt các biện pháp về tổ chức, kỹ thuật và quản lý trong đó việc tổ chức kế toán thành phẩm một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời là một trong những biện pháp quản lý có ý nghĩa rất quan trọng. Kế toán thành phẩm phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất sản phẩm về các mặt số lượng, chất lượng và chủng loại mặt hàng sản phẩm, qua đó cung cấp thông tin kịp thời cho việc chỉ đạo, kiểm tra quá trình sản xuất ở từng khâu, từng bộ

phận sản xuất.

- Phản ánh và giám sát tình hình nhập, xuất, tồn kho thành phẩm về mặt số lượng và giá trị, tình hình chấp hành định mức dự trữ và tình hình bảo quản thành phẩm trong kho.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng thành phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng chủng loại và giá trị.

3 Nhiệm vụ của kế toán chi phí, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng được các yêu cầu quản lí về thành phẩm, hàng hoá; xác định giá vốn, chi phí, kết quả tiêu thụ và xác định kết quả của các hoạt động. Kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng khoản nợ, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên qua đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

PHẦN II: MỘT SỐ NÉT KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP

1. Quá trình hình thành và phát triển của Doanh nghiệp

Công ty Năng lượng Bình An Hải Phòng là Doanh nghiệp Liên doanh giữa Công ty Đầu tư và Xuất nhập khẩu Công nghiệp tàu thủy với công ty Scien-top Đài Loan. Công ty Năng lượng Bình An được thành lập theo Giấy đầu tư số 1469/GP ngày 31/12/1995 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác đầu tư cấp (nay là Bộ kế hoạch và đầu tư). Thời gian hoạt động của công ty là 20 năm kể từ ngày được cấp giấy phép đầu tư. Công ty bắt đầu đi vào sản xuất kinh doanh vào ngày 01/01/1997. Theo đó:

- Tên công ty: Công ty Năng lượng Bình An
- Tên tiếng Anh: Binh An Energy Corporation
- Tên giao dịch viết tắt: BAC
- Vốn đầu tư đăng ký: 4.000.000 Đôla Mỹ (USD)
- Trụ sở giao dịch: Số 57 Bến Bính – Hồng Bàng – Hải Phòng
- Nhà máy sản xuất: Xã Nam Sơn – An Dương – Hải phòng
- Điện thoại: 031.3 823 435 ; 031.3 823 436
- Fax: 031.3 823 437

Lĩnh vực hoạt động chính của công ty là sản xuất, lắp ráp các loại bình gas, bếp gas, van điều áp, bình chứa, thiết bị sử dụng gas công nghiệp, thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời; kiểm định, sửa chữa bình chứa gas hoá lỏng.

Công ty Năng lượng Bình An Hải Phòng đã và đang tồn tại trên thị trường Hải Phòng và được khách biết đến là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Hiện nay công ty có trang thiết bị máy móc hiện đại với đội ngũ công nhân lành nghề

chuyên sản xuất các loại bình chứa gas 12kg, 13kg, 45-48kg. Công ty đã và đang cung cấp cho các công ty kinh doanh gas như Công ty Dầu khí Đài Hải Hải Phòng, Công ty Xăng dầu Petrolimex Hà Nội, Công ty Total Gas, Xí nghiệp kinh doanh các sản phẩm khí miền Bắc (Petro Việt Nam), Công ty Gia Định Gas, Công ty Sài Gòn Petro...

2. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Công ty Năng lượng Bình An Hải Phòng có trụ sở chính tại số 57 Bến Bính Hải Phòng, nhà máy sản xuất vỏ bình gas nằm trên địa bàn xã Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng với diện tích rộng trên 250 ha, cơ sở vật chất kỹ thuật tốt, nhà xưởng rộng rãi, thoáng mát, khu nhà văn phòng làm việc 2 tầng rộng 200 m², tầng trên là nơi làm việc của Ban giám đốc và các phòng ban chức năng, tầng dưới là nhà ăn của cán bộ công nhân viên. Nhà máy sản xuất nằm giáp ranh với Đường 5 mới nối với cảng Hải Phòng rất thuận lợi cho việc xuất – nhập khẩu hàng hoá.

Trong năm 2009 Công ty đã lắp ráp toàn bộ dây chuyền sản xuất tự động hoá tạo được mỹ quan cho khách hàng đến thăm quan và ký kết hợp đồng làm ăn.

Công ty có 2 xe ô tô 3,5 tấn chuyên vận chuyển vỏ bình gas đến tận nơi khách hàng cần, ngoài ra còn ký hợp đồng với xe bên ngoài để vận chuyển hàng hoá.

Tổng số vốn pháp định nhà nước giao là 3.275.000.000 đồng. Trong đó:

+ Vốn cố định : 2.048.000.000 đồng

+ Vốn lưu động: 1.227.000.000 đồng

Công ty mở tài khoản giao dịch số 003.1.00.0002144 tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng

Mã số thuế 01001073490041 và hoạt động theo luật Doanh nghiệp Nhà nước. Với tổng số vốn pháp định nhà nước giao 3.275.000.000 đồng nêu trên, Công ty Năng lượng Bình An đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh trong những năm tới.

***Tình hình vật tư, TSCĐ**

Tài sản cố định năm 2009 được phản ánh như sau:

Bảng số 1:

Đơn vị: 1.000đ

Loại TSCĐ	Số tiền đầu kỳ		Số tiền cuối kỳ		Chênh lệch
	Số tiền	%	Số tiền	%	
Tổng TSCĐ	1.432.795	100	1.469.522	100	36.727
Trong đó:					
- TSCĐ đang sử dụng	1.383.593	96,56	1.420.320	96,65	
- TSCĐ chờ xử lý	49.202	3,44	49.202	3,35	

Tài sản cố định cuối kỳ tăng lên 36.727.000đ là do loại tài sản cố định đang dùng tăng từ 96,56% đầu kỳ lên 96,65% cuối kỳ. Công ty đã cố gắng chi bổ sung những TSCĐ thật cần thiết phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên trong năm, Công ty vẫn còn tồn tại một số TSCĐ không cần dùng đang chờ xử lý từ năm trước chuyển sang, số TSCĐ này Công ty chưa có biện pháp xử lý hiệu quả để thu hồi vốn đầu tư tái sản xuất. Thực tế số TSCĐ này chủ yếu là một số nhà kho đã cũ nát, không thể sử dụng được.

Tài sản lưu động năm 2009:

Bảng số 2:

Đơn vị: 1.000đ

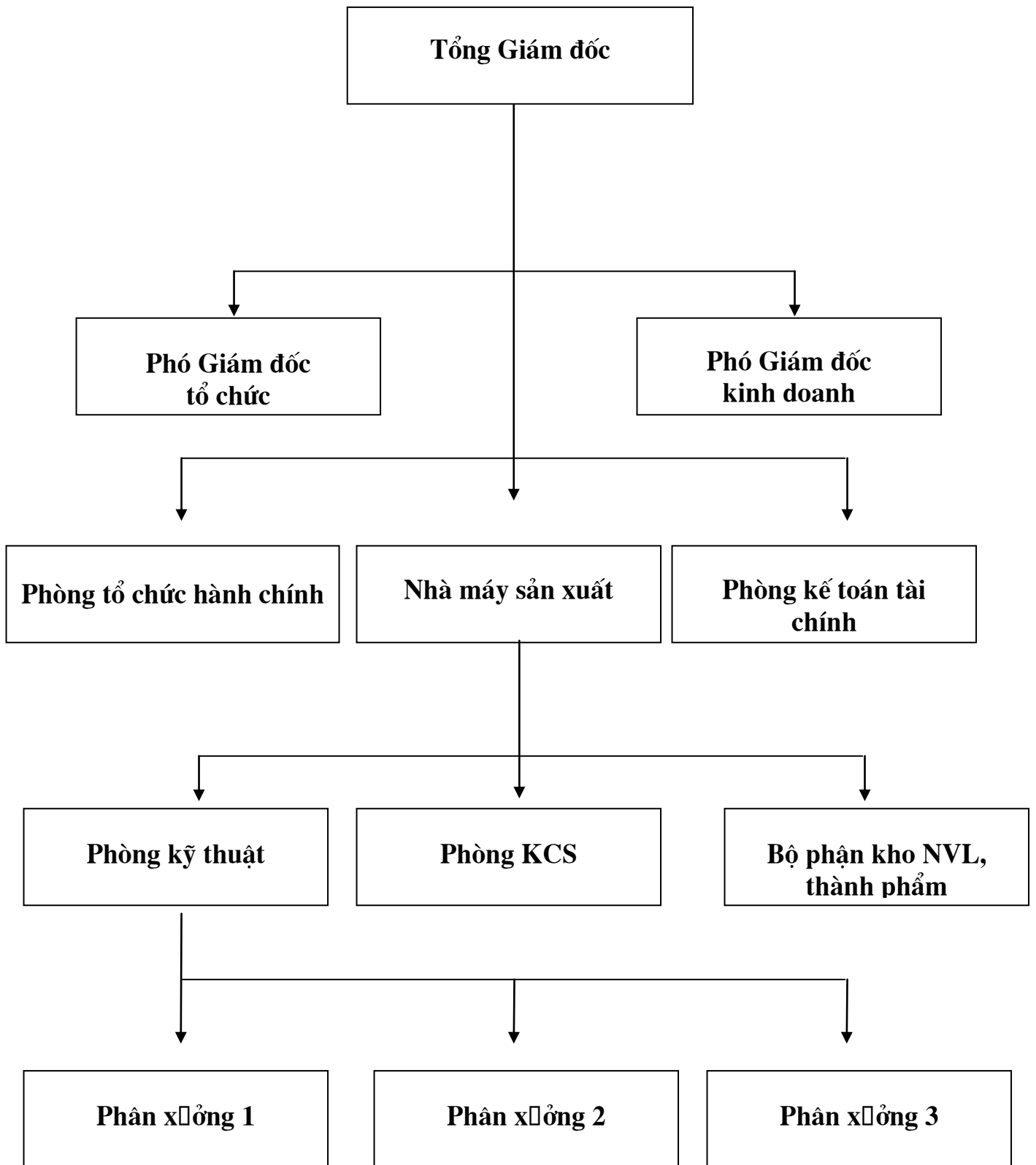
Chỉ tiêu	Số đầu kì		Số đầu kì		Chênh lệch	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
1. Vốn bằng tiền	31.705	2,5	33.456	2,34	1.760	- 0,16
2. Các khoản phải thu	191.805	15,14	235.056	16,36	43.206	1,22
Trong đó:						
- Phải thu của KH	169.085	13,34	228.086	15,87	59.001	2,53
3. Hàng tồn kho	974.563	76,9	1.129.216	78,6	154.653	1,7
4. TSLĐ khác	69.130	5,46	38.953	2,7	- 30.177	- 2,76
Tổng TSLĐ	1.267.298	100	1.436.690	100	169.442	

Qua các số liệu phản ánh năm 2009, tài sản lưu động của Công ty tăng lên rõ rệt, tổng tài sản lưu động tăng là 169.442.000đ với tỷ lệ tăng 13,37% đó là điều đáng mừng của Công ty. Tuy nhiên công ty vẫn còn tồn đọng một lượng nguyên vật liệu dự trữ đáng kể chậm đưa vào sản xuất, nếu xử lý nhanh lượng nguyên vật liệu này Công ty sẽ đạt hiệu quả cao hơn nữa.

3. Công tác tổ chức quản lí, sản xuất

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bộ máy quản lí của Công ty từng bước được hoàn thiện, đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh Công ty về chất và lượng theo mô hình phù hợp với thực tế.

*Cơ cấu bộ máy của Công ty được thể hiện trên sơ đồ sau:



Theo sơ đồ trên, chức năng và nhiệm vụ cụ thể của từng vị trí như sau :

1) Tổng Giám đốc Công ty: Có trách nhiệm và quyền hạn cao nhất, là đại diện pháp nhân của Công ty và là chủ tài khoản của Công ty.

-Chịu trách nhiệm trước Nhà nước và pháp luật về mọi hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty .

-Ra các quyết định và chỉ thị để điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty.

-Giao dịch, tìm hiểu khách hàng và ký các hợp đồng kinh tế của Công ty với khách hàng.

-Duyệt và chịu trách nhiệm về các dự án, kế hoạch kinh doanh.

-Ký hợp đồng lao động, quyết định thanh lý hợp đồng lao động và chịu trách nhiệm trước Nhà nước, pháp luật về mọi tình hình nhân sự của Công ty.

2) Phó giám đốc kinh doanh:

-Tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc về kế hoạch phát triển nhân lực và đề xuất các phương án mở rộng phát triển doanh nghiệp.

-Chủ động giải quyết các vấn đề hành chính, đối ngoại, liên hệ và ngoại giao với các cơ quan “ Dân chính Đảng” để giải quyết các vấn đề có liên quan.

-Kiểm tra, đôn đốc, đảm bảo công tác an ninh, chính trị, an toàn của Công ty

-Ký các hợp đồng lao động khi được Tổng Giám đốc uỷ quyền.

3) Phó giám đốc tổ chức:

-Tham mưu cho Tổng Giám đốc về kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác thống kê kế toán.

-Chủ động liên hệ tìm kiếm khách hàng, giới thiệu sản phẩm của Công ty và đề xuất các biện pháp thúc đẩy tìm kiếm thị trường mới.

-Kiểm tra, đôn đốc, đảm bảo nguồn hàng và khâu dự trữ bán hàng.

-Ký các hợp đồng kinh tế khi được Tổng Giám đốc uỷ quyền.

4) Phòng tổ chức hành chính:

- Quản lý lao động, lưu giữ, thống kê báo cáo tình hình lao động trong doanh nghiệp.
- Đề xuất các phương án sử dụng lao động trong doanh nghiệp.
- Triển khai các biện pháp nghiệp vụ cụ thể về nhân sự khi có lệnh của Tổng Giám đốc như: Khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm, bãi miễn, ...
- Phụ trách công tác an toàn lao động và giải quyết các chế độ chính sách cho cán bộ công nhân viên theo quy định của Nhà nước.
- Thừa hành, triển khai các biện pháp quản lý tài sản, bảo vệ sở vật chất kỹ thuật, các công tác đảm bảo an ninh, an toàn cho người và tài sản của doanh nghiệp.

5) Phòng kế toán tài chính:

- Hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời theo nguyên tắc kế toán đối với mọi lĩnh vực thu chi của doanh nghiệp.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về vấn đề tài chính trong các hoạt động và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chủ động lo tìm nguồn vốn kinh doanh.
- Tập hợp các thông tin ý kiến của khách hàng dựa trên dữ liệu được thu thập.
- Tìm hiểu bạn hàng, ký kết hợp đồng.
- Chăm công và thanh toán tiền lương, thưởng cũng như các khoản chi về chế độ, chính sách cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

6) Nhà máy sản xuất:

- Thực hiện đúng tiến độ giao hàng theo các hợp đồng kinh tế được giao.
- Tự lập kế hoạch sản xuất phù hợp với các hợp đồng kinh tế.
- Báo cáo đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu báo cáo sản xuất về Phòng Kế hoạch kinh doanh và chịu trách nhiệm về các số liệu đã báo cáo.
- Đảm bảo công tác giao nhận hàng hoá và tài chính theo đúng quy định của Công

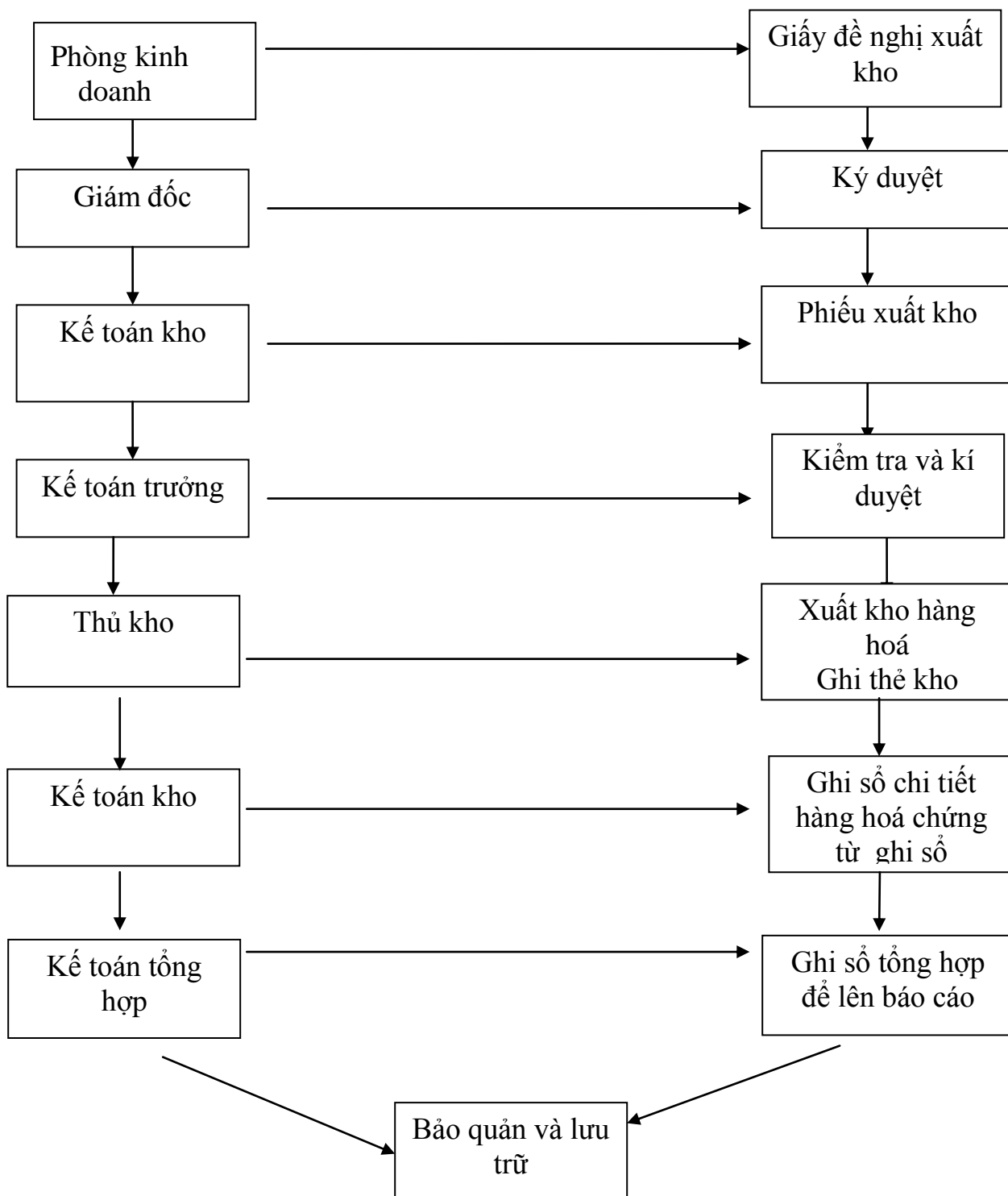
ty.

- Chủ động phối hợp với các Phòng chức năng để đảm bảo sản xuất liên tục không gián đoạn.
- Tổ chức công tác lao động hợp lý.

Đặc điểm quy trình công nghệ:

Ngoài những chứng từ mang tính chất bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước. Công ty có thể sử dụng thêm những chứng từ kế toán : Thẻ tính giá thành, bảng chi tiết trích nộp bảo hiểm xã hội , bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, phiếu hoàn thành công việc...

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ

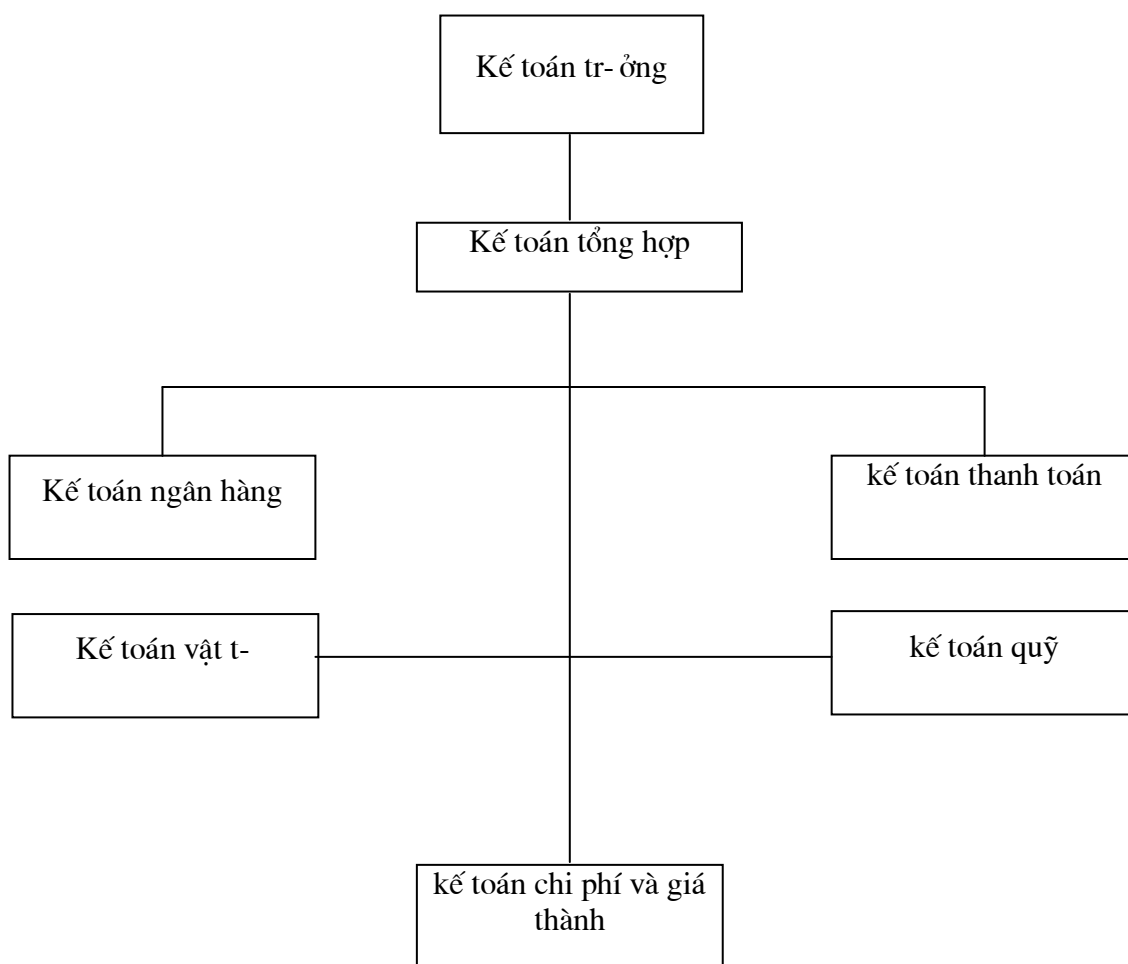


4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và bộ số kế toán của Công ty

4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán:

Để thực hiện chức năng phản ánh và giám đốc thường xuyên liên tục toàn bộ tài sản của công ty thì bộ máy kế toán phải có đủ số lượng người gánh vác những phần việc quan trọng và phải có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu công tác quản lý kinh tế tài chính của Công ty.

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



Để bộ máy kế toán được tiến hành trôi chảy, đáp ứng được yêu cầu quản lý kinh

tế tài chính của Công ty thì nhiệm vụ của từng người trong bộ máy kế toán được quy định cụ thể như sau:

- Kế toán trưởng : là người chịu trách nhiệm cao nhất về hoạt động kế toán của doanh nghiệp tổ chức điều hành bộ máy kế toán kiểm tra việc thực hiện ghi chép, luân chuyển chứng từ ngoài ra kế toán trưởng còn kiểm tra việc cất giữ tài liệu. Kế toán trưởng lựa chọn và cải tiến hình thức kế toán cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, chức năng quan trọng nhất của kế toán trưởng là tham mưu cho giám đốc, giúp giám đốc đưa ra quyết định đúng đắn trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.
- Kế toán tổng hợp: phụ trách tổng hợp tất cả các phân hành kế toán, định kỳ xác định kết quả sản xuất kinh doanh và lập các báo cáo tài chính.
- Kế toán vật tư: theo dõi tình hình nhập-xuất-tồn vật tư, thành phẩm và bán thành phẩm.
- Kế toán chi phí và giá thành: định kỳ nhận chứng từ từ các hợp đồng, theo dõi, tập hợp chi phí sản xuất, phân bổ các chi phí cố định cho hợp đồng sản xuất, tính giá thành sản phẩm.
- Kế toán ngân hàng: theo dõi tài khoản ngân hàng, quan hệ giao dịch, vay, trả, mở L/C và các thủ tục với ngân hàng, ngoài ra còn hỗ trợ phòng kinh doanh tìm kiếm nguồn cung cấp vốn cho khách hàng khi mua sản phẩm của công ty thông qua các kênh tín dụng của các ngân hàng trên toàn quốc.
- Kế toán thanh toán: thực hiện kế toán vốn bằng tiền mặt, tất cả các khoản thanh toán trong nội bộ Công ty, nhà cung cấp, khách hàng và Ngân sách nhà nước.
- Kế toán quỹ (kiêm kế toán lương): Đảm bảo lượng tiền tại quỹ đủ để đáp ứng cho sản xuất và sinh hoạt thường ngày, đồng thời theo dõi lương và các khoản trích theo lương của cán bộ công nhân viên trên số lương của từng người.

4.2. Đặc điểm tổ chức bộ số kế toán

- Kỳ kế toán được hạch toán bắt đầu : 01/01 đến 31/12

-Đơn vị sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam.

-Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

-Hình thức sổ kế toán áp dụng : Theo hình thức “Chứng từ ghi sổ”

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau :

1.Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ: Là sổ ghi theo thời gian, phản ánh toàn bộ chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng. Sổ này nhằm quản lý chặt chẽ chứng từ ghi sổ và kiểm tra, đối chiếu số liệu với sổ cái. Mọi chứng từ ghi sổ sau khi lập xong đều phải đăng ký vào sổ này để lấy số liệu và ngày tháng. Số hiệu của chứng từ ghi sổ được đánh liên tục từ đầu tháng (hoặc đầu năm) đến cuối tháng (hoặc cuối năm): ngày tháng ghi trên chứng từ ghi sổ tính theo ngày ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

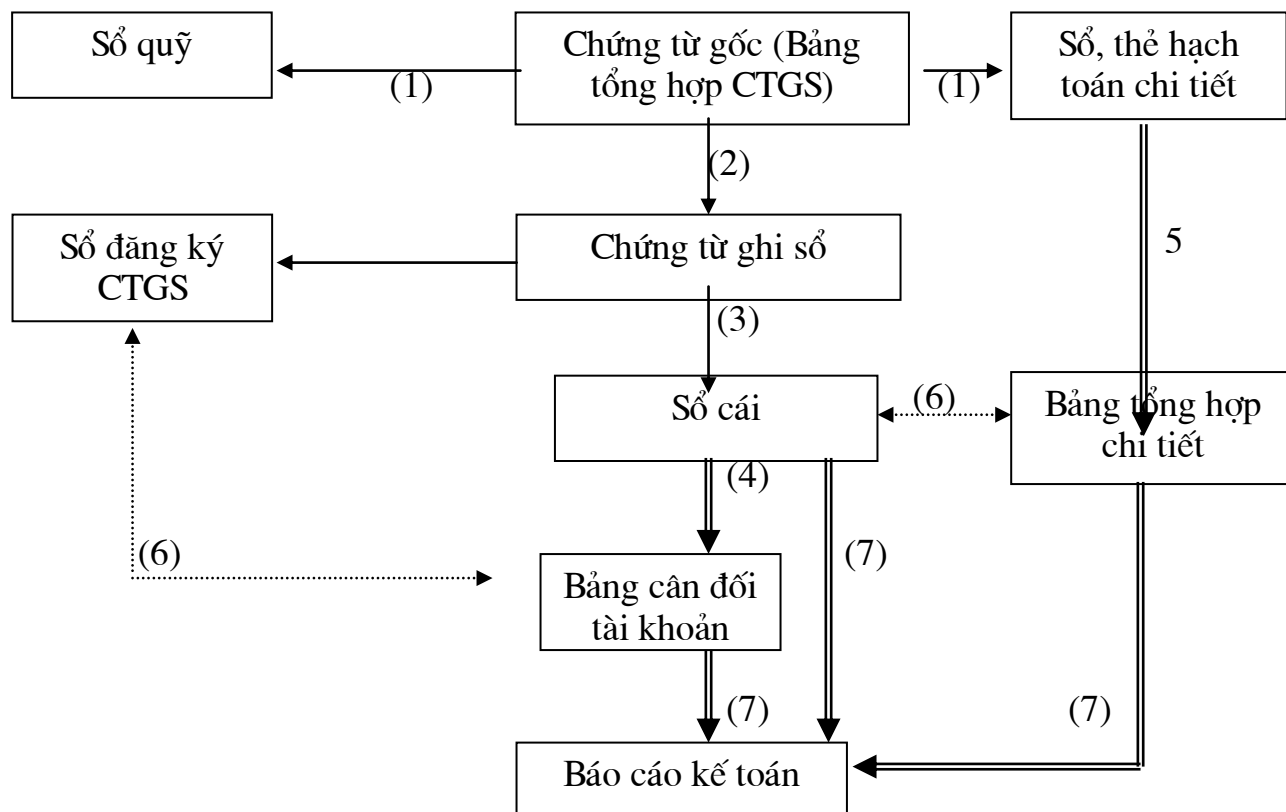
2.Sổ cái: Là sổ phân loại (ghi theo hệ thống) dùng để hạch toán tổng hợp. Mỗi tài khoản được phản ánh trên một trang sổ cái (có thể kết hợp phản ánh chi tiết). Có thể sử dụng ít hoặc nhiều cột.

3. sổ và thẻ hạch toán chi tiết: Dùng để phản ánh các đối tượng cần hạch toán chi tiết (vật liệu, dụng cụ, tài sản cố định, tiêu thụ, thanh toán....)

4.Bảng cân đối tài khoản: Dùng để phản ánh tình hình đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và tình hình cuối kỳ của các các loại tài sản, nguồn vốn với mục đích kiểm tra tính chính xác của việc ghi chép cũng như cung cấp thông tin cần thiết cho quản lý.

5.Chứng từ ghi sổ: Thực chất là sổ định khoản theo kiểu tờ rời để tập hợp các chứng từ gốc cùng loại. Chứng từ ghi sổ sau khi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ mới được dùng làm căn cứ vào sổ cái.

Sơ đồ kế toán chứng từ ghi sổ



- > Ghi hằng ngày
- ←-----> Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

Quan hệ cân đối:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền} \\ \text{trên " Sổ đăng} \\ \text{ký CTGH" } \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh bên Nợ (hoặc} \\ \text{bên Có) của tất cả các Tk trong sổ} \\ \text{cái (hay bảng cân đối tài khoản)} \end{array}$$

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

(1): Hằng ngày hoặc định kỳ ngắn hạn căn cứ vào các chứng từ gốc hợp lệ nhận

được để phân loại chứng từ và lập phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập, phiếu xuất để ghi vào sổ quỹ, sổ tiền gửi, bảng kê và đồng thời ghi vào các sổ chi tiết.

(2): Căn cứ vào các báo cáo thu, chi tiền mặt lập chứng từ ghi sổ định kỳ 10-15 ngày và chuyển cho kế toán tổng hợp.

(3): Kế toán tổng hợp nhận được chứng từ ghi sổ hàng tháng tiến hành vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và kế toán ghi vào sổ cái.

(4): Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Căn cứ sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh.

(5): Cuối tháng, kế toán cộng phát sinh trong tháng của các sổ chi tiết làm căn cứ ghi vào sổ tổng hợp chi tiết các tài khoản.

(6): Đối chiếu số liệu giữa bảng cân đối số phát sinh với sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, đối chiếu giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.

(7): Sau khi đối chiếu, kiểm tra, căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số Dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

PHẦN III**THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THÀNH PHẨM, GIÁ VỐN, CHI PHÍ, TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY NĂNG LƯỢNG BÌNH AN****I. Kế toán thành phẩm, giá vốn****1. Khái niệm thành phẩm**

Thành phẩm là những sản phẩm đã kết thúc giai đoạn cuối cùng của quy trình công nghệ sản xuất ra sản phẩm đó, đã qua kiểm tra đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, được nhập kho hoặc giao trực tiếp cho khách hàng.

Sản phẩm khác thành phẩm ở chỗ đã hoàn thành các bước trên và được đưa ra thị trường để tiêu thụ.

2. Các phương pháp xác định giá gốc thành phẩm**2.1 phương pháp giá thực tế**

Thành phẩm do các bộ phận của đơn vị sản xuất ra khi nhập kho phải được đánh giá theo giá thành sản xuất (giá gốc) bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và những chi phí có liên quan trực tiếp khác đến việc sản xuất sản phẩm.

Thành phẩm xuất kho có thể được xác định theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

$$\text{Đơn giá TP xuất kho} = \frac{\text{Giá thực tế TP tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế TP xuất kho trong kỳ}}{\text{Số lượng TP tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng TP nhập kho trong kỳ}}$$

$$\text{Giá thực tế TP xuất kho trong kỳ} = \text{Số lượng TP xuất kho} \times \text{đơn giá TP xuất kho}$$

- Phương pháp nhập trước – xuất trước
- Phương pháp nhập sau – xuất trước
- Phương pháp thực tế đích danh

2.2 Phương pháp giá hạch toán

Để cung cấp kịp thời sự biến động về mặt giá trị của thành phẩm trong điều kiện giá thực tế thành phẩm không phải bất cứ lúc nào cũng xác định được (Zsp hoàn thành chỉ tính được vào thời điểm cuối tháng) thì trong kỳ kế toán cũng có thể dùng giá hạch toán để phản ánh thành phẩm nhập, xuất, tồn.

Giá hạch toán do phòng kế toán quy định, có thể là giá kế hoạch hoặc giá thực tế nhập kho kỳ trước... do chỉ là giá quy ước để sử dụng thống nhất trong kỳ hạch toán nên giá hạch toán không phản ánh chính xác chi phí thực tế sản xuất ra thành phẩm. Vì vậy giá hạch toán chỉ sử dụng trong kế toán chi tiết thành phẩm, còn trong kế toán tổng hợp thành phẩm phải được phản ánh theo giá thực tế.

Cuối tháng, khi tính được giá thực tế thành phẩm nhập kho, kế toán phải xác định hệ số giá thành phẩm để tính ra giá thực tế thành phẩm xuất kho.

Giá thực tế thành phẩm xuất kho = Giá hạch toán x hệ số giá thành phẩm

$$\text{Hệ số giá thành phẩm} = \frac{\text{Trị giá thực tế TP tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế TP xuất trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán TP tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán TP nhập trong kỳ}}$$

3. Kế toán chi tiết thành phẩm

Kế toán chi tiết thành phẩm phải được thực hiện theo từng kho, từng loại, nhóm thành phẩm và được tiến hành đồng thời ở kho thành phẩm và ở phòng kế toán theo một trong ba phương pháp: ghi thẻ song song, sổ đối chiếu luân chuyển và sổ số dư. Căn cứ để kế toán ghi sổ là các chứng từ: Phiếu nhập kho (01.VT); Phiếu xuất kho (02.VT); Thẻ kho (06.VT).

3.1. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của thành phẩm, kế toán sử dụng tài khoản:

TK 155 – Thành phẩm : Phản ánh sự biến động và số liệu có theo giá thành sản xuất thực tế của các loại thành phẩm của doanh nghiệp. Kết cấu cơ bản của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của thành phẩm nhập kho
- Trị giá thực tế của thành phẩm thừa phát hiện khi kiểm kê
- Kết chuyển giá trị thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Bên Có:

- Trị giá thực tế của thành phẩm xuất kho
- Trị giá thực tế của thành phẩm thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê
- Kết chuyển trị giá thực tế của thành phẩm tồn kho đầu kỳ

Số Dư Bên Nợ: Trị giá thực tế của thành phẩm tồn kho.

TK 632: Giá vốn hàng bán: Phản ánh giá vốn hàng hoá, thành phẩm, dịch vụ đã xuất bán, cung cấp trong kỳ. Kết cấu cơ bản của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Phản ánh trị giá sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ được xác định là tiêu thụ trong kỳ
- Phản ánh trị giá lao vụ, dịch vụ gửi đi ngay được xác định là tiêu thụ
- Cuối kỳ phân bổ chi phí mua hàng cho hàng hóa bán ra trong kỳ.

Bên Có:

- Phản ánh trị giá hàng hóa, dịch vụ bên mua trả lại do không đúng yêu cầu.

- Cuối kỳ kết chuyển giá vốn cho hàng hóa bán ra trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

3.2. Trình tự kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu với thành phẩm

Doanh nghiệp áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

1. Cuối kỳ kế toán, tính được giá thành thực tế của thành phẩm hoàn thành nhập kho, kế toán ghi sổ:

Nợ TK 155 – Thành phẩm

Có TK 154 – Chi phí SXKD dở dang

2. Trường hợp thành phẩm hoàn thành không nhập kho, bán trực tiếp hoặc bán cho đại lý, ký gửi:

Nợ TK 157 – Hàng gửi bán, bán cho đại lý, ký gửi

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 154 – Chi phí SXKD dở dang

3. Nhập kho hàng hoá do mua ngoài:

+ *Đối với vật tư mua ngoài dùng vào SXKD hàng hoá dịch vụ thuộc diện chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:*

Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu

Nợ TK 153 – Công cụ dụng cụ

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112,141,331...(Tổng giá thanh toán)

+ *Đối với vật tư mua ngoài dùng để SXKD hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc dùng cho hoạt động sự nghiệp, phúc lợi, dự án :*

Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu

Nợ TK 153 – Công cụ dụng cụ

Có TK 111,112,141,331 ... (Tổng giá thanh toán)

4.Nhập kho thành phẩm, hàng hoá đã bán bị trả lại, căn cứ vào giá thành thực tế của thành phẩm bị trả lại nhập kho:

Nợ TK 155 – Thành phẩm

Nợ TK 156 – Hàng hoá

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

5. Khi chuyển từ hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư, căn cứ vào hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng:

Nợ TK 217 – Bất động sản đầu tư

Có TK 156 – Hàng hoá

6.Trường hợp bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu có quyết định sửa chữa, cải tạo nâng cấp để bán.

+ Khi có quyết định sửa chữa, cải tạo, nâng cấp bất động sản đầu tư

Nợ TK 156 – Hàng hoá

Nợ TK 241 – Hao mòn TSCĐ

Có TK 217 – Bất động sản đầu tư

+ Khi phát sinh các chi phí sửa chữa, cải tạo nâng cấp triển khai cho mục đích

bán:

Nợ TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112,152,334,331...

+ Khi kết thúc giai đoạn sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, triển khai cho mục đích bán, kết chuyển toàn bộ chi phí tăng giá gốc hàng hoá bất động sản chờ bán:

Nợ TK 156 – Hàng hoá

Có TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

7. Trường hợp kiểm kê phát hiện thừa thiếu căn cứ vào biên bản kiểm kê, nếu chưa xác định được nguyên nhân.

+ *Nếu chưa rõ nguyên nhân*

Nợ TK 1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK 155 – Thành phẩm

Có TK 156 – Hàng hoá

+ *Nếu thừa chưa rõ nguyên nhân*

Nợ TK 156 – Hàng hoá

Nợ TK 155 – Thành phẩm

Có TK 3381 – Tài sản thừa chưa xử lý

+ *Khi có quyết định của cấp có thẩm quyền, kế toán căn cứ vào biên bản xử lý để ghi sổ cho phù hợp.*

3.3. Trình tự kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu với giá vốn

(1) SP bán trực tiếp cho khách hàng trong kỳ:

Nợ TK 632

Có TK 155

Có TK 154

(2) SP gửi bán đã xác định tiêu thụ trong kỳ:

Nợ TK 632

Có TK 157

(3) Nhập lại kho hoặc gửi lại kho của khách hàng số SP đã bán bị trả lại

Nợ TK 155

Nợ TK 157

Có TK 632

(4) Cuối kỳ xác định giá vốn của sản phẩm đã bán được trong kỳ để kết chuyển sang TK 911

Nợ TK 911

Có TK 632

4. Chứng từ kế toán và các phương pháp kế toán chi tiết thành phẩm

Một số chứng từ kế toán

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày...Tháng...năm

Số :.....

Nợ TK:.....

Có TK:.....

Họ tên người giao hàng :.....

Theo :sốngàythángnămcủa.....

Nhập tại kho:.....Địa điểm :.....

<i>TT</i>	<i>Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (SP hàng hoá)</i>	<i>Mã số</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Số lượng</i>		<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>
				<i>Theo CT</i>	<i>Thực nhập</i>		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Cộng						

Cộng thành tiền (Bằng chữ).....

Xuất ngày... tháng...năm...

Người lập

Người giao hàng

Thủ kho

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị bán hàng :
 Địa chỉ :
 Số tài khoản :
 Mã số thuế :
 Họ tên người mua hàng:
 Địa chỉ :
 Hình thức thanh toán :

TT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cộng tiền hàng				
Thuế GTGT(...)					
Tổng cộng tiền thanh toán:					
Số tiền viết bằng chữ:					

Người mua hàng
(Kí, ghi họ tên)

Người bán hàng
(Kí, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, ghi họ tên)

- Các phương pháp kê toán chi tiết:

+ Phương pháp thẻ song song:

Phương pháp này được áp dụng trong doanh nghiệp dùng giá mua thực tế để

ghi chép kế toán vật tư tồn kho. Kế toán mở thẻ chi tiết cho từng loại hay từng vật tư và theo từng địa điểm bảo quản vật tư để ghi chép số hiện có và sự biến động của từng loại vật tư trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất hàng ngày. Còn ở nơi bảo quản cũng mở thẻ kho, thẻ chi tiết từng loại vật tư giống như phòng kế toán để ghi chép nghiệp vụ, phản ánh số hiện có và tình hình biến động của vật tư trên cơ sở các chứng từ nhập xuất vật tư.

Cuối tháng đối chiếu số liệu hoạch toán chi tiết với số liệu ở nơi bảo quản. Sau đó kế toán lập bảng chi tiết số phát sinh của TK 152, 153 (còn gọi là bảng kê nhập, xuất, tồn kho)

+ Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Tại kho: Thủ kho ghi thẻ kho theo dõi tình hình hiện có và sự biến động của từng vật tư theo chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Tại phòng kế toán: Căn cứ chứng từ nhập (xuất) để lập bảng kê nhập, xuất hoặc tổng hợp để ghi lên sổ đối chiếu luân chuyển vào cuối kỳ theo từng thứ cả số lượng và giá trị.

+ Phương pháp sổ dư:

Còn gọi là phương pháp nghiệp vụ kế toán. Nội dung cả phương pháp này là sự kết hợp chặt chẽ kế toán chi tiết vật tư tồn kho với hạch toán nghiệp vụ ở nơi bảo quản. Phương pháp sổ dư được áp dụng cho những doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán chi tiết vật tư tồn kho.

II. Kế toán tiêu thụ

1. khái niệm tiêu thụ và ý nghĩa của tiêu thụ

Tiêu thụ (bán hàng) là việc chuyển quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá - là giai đoạn cuối cùng của các quá trình sản xuất – kinh doanh, đây là quá trình chuyển hoá vốn từ hình thái vốn sản phẩm, hàng hoá sang hình thái vốn tiền tệ hoặc vốn trong thanh toán.

Bán hàng có vai trò rất quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trong các doanh nghiệp quá trình tiêu thụ hàng hoá đ-ợc gọi là đơn giản là bán hàng và quá trình này đ-ợc hiểu là quá trình trao đổi để thực hiện giá trị của hàng hoá, đây là quá trình chuyển hoá vốn của doanh nghiệp từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ (Hàng - Tiền) và hình thành kết quả bán hàng. Trong quá trình đó một mặt doanh nghiệp giao hàng cho khách và mặt khác khách hàng sẽ trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp theo giá cả đã thoả thuận. Nh- vậy thực chất việc bán hàng là việc chuyển quyền sở hữu về hàng hoá cho khách hàng và đổi lại doanh nghiệp thu đ-ợc tiền hoặc nhận đ-ợc quyền thu tiền từ khách hàng. Đối với các doanh nghiệp thì mới có thu nhập để bù đắp chi phí bỏ ra và hình thành kết quả bán hàng, nếu hoạt động bán hàng của doanh nghiệp không thông suốt thì sẽ làm ngừng trệ các hoạt động khác nh- mua vào, dự trữ, bảo quản.... Còn nếu hoạt động bán hàng của doanh nghiệp diễn ra trôi chảy sẽ thúc đẩy các hoạt động đó phát triển vì vậy có thể vì hoạt động bán hàng là tấm g-ong phản ánh tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp. Nếu mở rộng đ-ợc bán hàng, tăng doanh thu thì sẽ tạo điều kiện mở rộng thị tr-ờng tiêu thụ của doanh nghiệp , mở rộng kinh doanh, củng cố và khẳng định vị trí của doanh nghiệp trên thị tr-ờng giúp doanh nghiệp đứng vững trong kinh doanh.

Xét trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân, bán hàng là một trong những hoạt động chính của quá trình l-u thông hàng hoá, bán hàng là hoạt động để thực hiện mục đích điều hoà giữa ng-ời cung cấp và ng-ời tiêu dùng, giữa tiền – hàng, giữa khả năng và nhu cầu.

Đây là những điều kiện để đảm bảo sự phát triển cân đối trong từng ngành, từng vùng cũng nh- trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Vì vậy, đẩy nhanh quá trình bán hàng, đồng nghĩa với việc rút ngắn chu kì sản xuất kinh doanh, tăng nhanh vòng quay của vốn, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

2. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có vai trò rất quan trọng trong việc thu nhận xử lý và cung cấp các thông tin về hoạt động bán hàng. Kết quả bán hàng của doanh nghiệp nhằm kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động. Để thực hiện được vai trò đó, kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện các nhiệm vụ sau :

+ Ghi chép phản ánh kịp thời đầy đủ, chính xác tình hình bán hàng của doanh nghiệp trong kỳ, ngoài kế toán tổng hợp trên các tài khoản kế toán, kế toán bán hàng cần phải theo dõi ghi chép về số lượng, kết cấu, chủng loại hàng bán từng đơn vị trực thuộc (theo các cửa hàng, quầy hàng)

+ Tính toán giá mua thực tế cửa hàng đã bán nhằm xác định kết quả bán hàng.

+ Kiểm tra tình hình thu tiền bán hàng và quản lý tiền bán hàng đối với hàng hóa bán chịu cần phải mở sổ ghi chép chi tiết theo từng khách hàng, ngày lấy hàng, từng loại hàng, số tiền khách nợ từng lần và tình hình trả nợ.

+ Cung cấp đầy đủ kịp thời, chính xác các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty .

+ Tổ chức tốt việc luân chuyển chứng từ hạch toán ban đầu ghi sổ kế toán về doanh thu, giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý.

+ Tổ chức thiết kế, sử dụng tài khoản, hệ thống sổ kế toán tổng hợp và chi tiết theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp về nghiệp vụ bán hàng và xác định kết quả bán hàng.

+ Tổ chức báo cáo doanh thu, báo cáo bán hàng, báo cáo kết quả kinh doanh theo yêu cầu của doanh nghiệp và các cơ quan quản lý cấp trên.

Đồng thời kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cần chú ý một số nội dung sau :

- Xác định đúng thời điểm bán hàng hóa được coi là tiêu thụ để kịp thời lập

báo cáo và phản ánh doanh thu báo cáo thường xuyên tình hình bán hàng và thanh toán chi tiết theo từng loại, từng hợp đồng kinh tế nhằm giám sát chặt chẽ về hàng bán về số lượng, chất lượng và thời gian, chủng loại ... đơn đốc việc thu tiền về nộp quỹ.

+ Xác định đúng và đầy đủ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong quá trình bán hàng, phân bổ cho hàng hóa còn lại cuối kỳ và kết chuyển chi phí cho hàng bán trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh chính xác.

3. Kế toán doanh thu bán hàng

3.1. Khái niệm doanh thu và các nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu là tổng hợp các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hoạch toán, phát sinh từ hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia được quy định tại Chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác”, nếu không thoả mãn các điều kiện thì không được hoạch toán vào doanh thu.

Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

Trường hợp hàng hoá hoặc dịch vụ trao đổi lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất thì không được ghi nhận doanh thu.

Phải theo dõi chi tiết từng loại doanh thu, doanh thu từng mặt hàng, sản phẩm...theo dõi chi tiết từng khoản giảm trừ doanh thu, để xác định doanh thu thuần của từng loại doanh thu để phục vụ cho cung cấp thông tin kế toán để quản trị doanh nghiệp và lập Báo cáo tài chính.

Khi hạch toán vào tài khoản Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cần lưu ý một số nguyên tắc:

- Phải thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá không bao gồm VAT đối với Doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bao gồm VAT đối với Doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bao gồm cả thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt trong trường hợp hàng bán ra chịu thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền hoa hồng được hưởng trong trường hợp Doanh nghiệp nhận bán hàng qua đại lý
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả tiền một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả trong trường hợp Doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền gia công nhận được không bao gồm giá vật u, hàng hoá nhận về gia công nay trả lại.

Các trường hợp không được hạch toán vào tài khoản Doanh thu:

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các khoản nợ không có người đòi
- Hàng gửi bán nhưng chưa bán được
- Thu từ nhận tài trợ, viện trợ, biếu tặng
- Thu từ được phạt do đối tác vi phạm hợp đồng
- Thu từ nợ khó đòi đã xử lý nay đòi được.

Chứng từ làm cơ sở hạch toán doanh thu bán hàng: Hóa đơn GTGT; Bảng kê hàng gửi bán đã tiêu thụ; Các chứng từ thanh toán như phiếu thu, giấy báo của

Ngân hàng...

3.2. Tài khoản sử dụng

TK511 : Doanh thu bán hàng (Chi tiết cho từng mặt hàng): Dùng để tập hợp Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết cấu cơ bản của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ.
- Số thuế GTGT phải nộp của Doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp nộp thuế trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ.

Cuối kỳ tài khoản này không có số dư.

TK này được chia thành bốn tiểu khoản:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

TK 512: - Doanh thu nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Kết cấu cơ bản của tài khoản này như

sau:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong nội bộ kết chuyển cuối kỳ;
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ;
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương thức trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ được thực hiện của đơn vị trong kỳ.

TK này được chia thành ba tiểu khoản:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

3.3. Kế toán tổng hợp quá trình bán hàng theo các phương thức bán

Kế toán sẽ mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu cho từng mặt loại hoạt động bán hàng hóa, bán thành phẩm, dịch vụ mà doanh nghiệp đã thực hiện

Tùy thuộc vào từng doanh nghiệp và từng mặt hàng mà doanh nghiệp kinh doanh lập ra kế hoạch để đưa ra phương án bán hàng có hiệu quả nhất.

Kế toán bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp

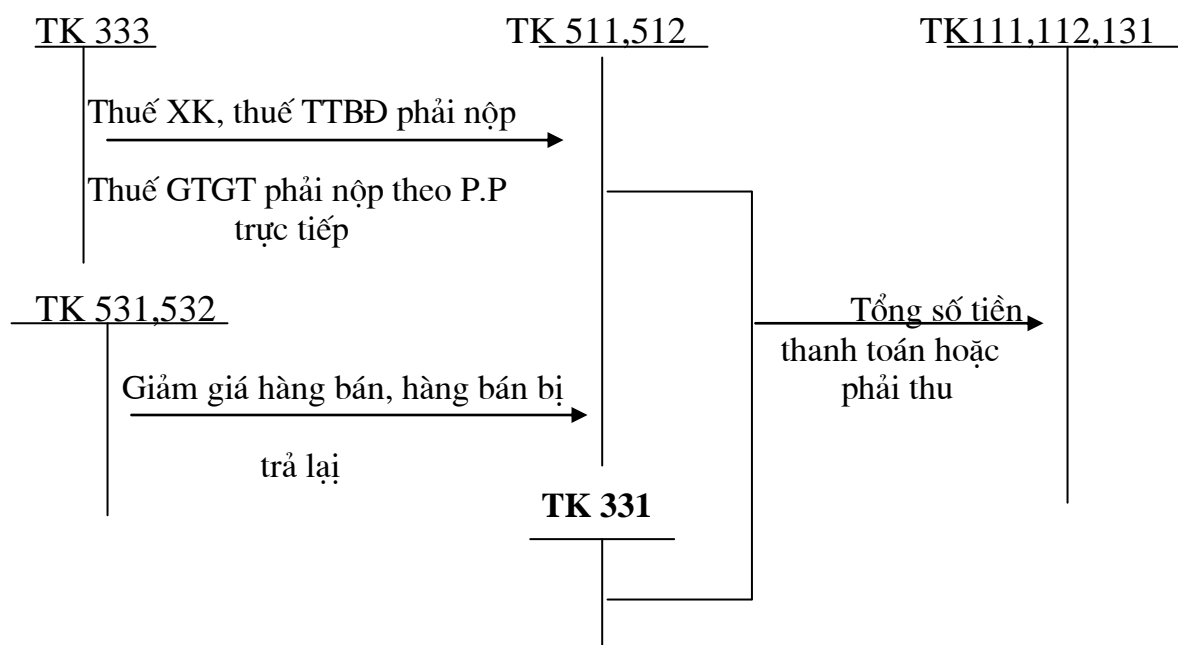
Theo phương thức bán hàng này, bên khách hàng ủy quyền cho cán bộ nghiệp vụ đến nhận tại kho của doanh nghiệp bán hoặc giao nhận tận tay (các doanh nghiệp thương mại thường mua bán thẳng). Người nhận hàng sau khi ký vào chứng từ bán hàng của doanh nghiệp thì hàng của doanh nghiệp đã được xác định là bán

(hàng đã chuyển quyền sở hữu)

Bán hàng theo phương thức giao hàng trực tiếp bao gồm:

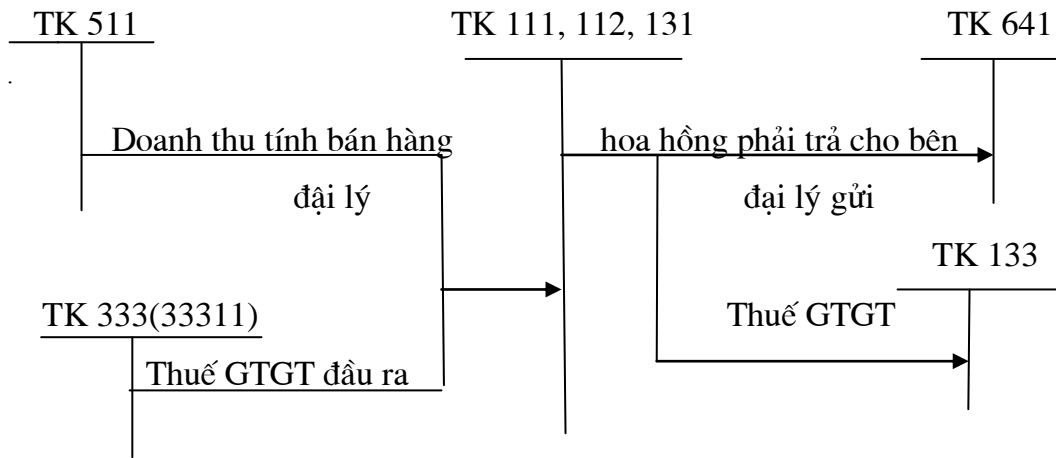
- Bán hàng thu tiền ngay
- Bán hàng theo cách giao hàng được người mua chấp nhận thanh toán ngay
- Hàng trả góp
- Hàng đổi hàng
- Trả lương cho công nhân viên bán hàng

Sơ đồ kế toán bán hàng trực tiếp



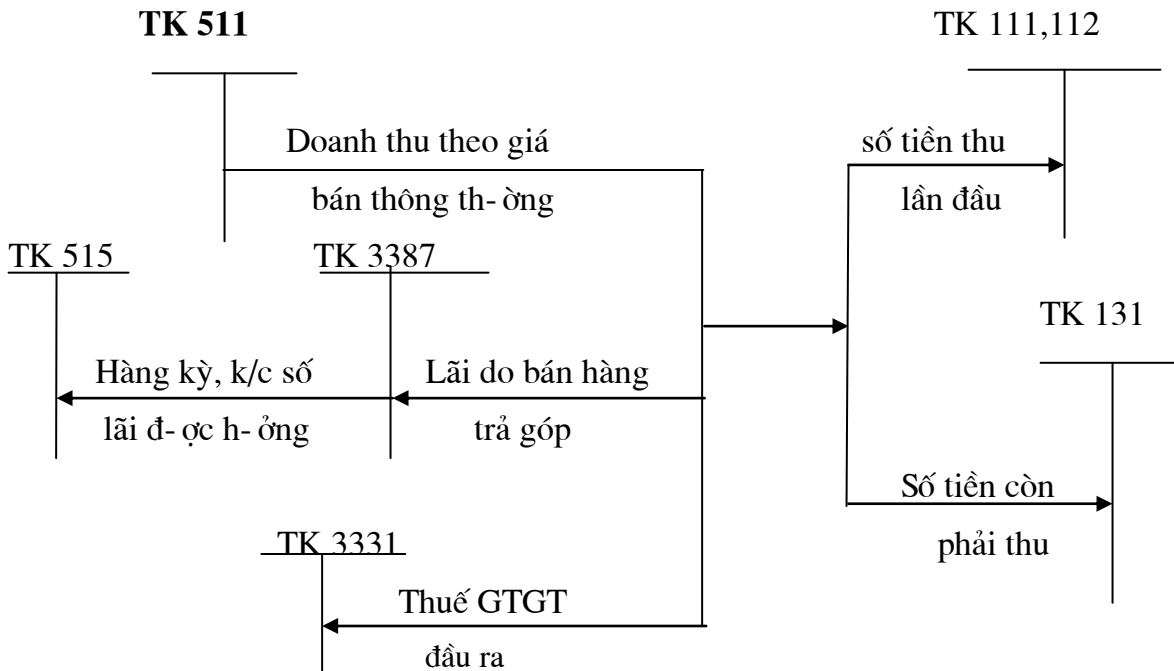
Kế toán bán hàng theo phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng:

Căn cứ vào “Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi” doanh nghiệp lập hoá đơn GTGT phản ánh doanh thu bán hàng để giao cho các đại lý; xác định tiền hoa hồng phải trả đồng thời nhận hoá đơn GTGT do đại lý phát hành.



Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.

Trường hợp này khi giao hàng cho người mua thì được xác định là tiền tiêu thụ; doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần; khách hàng chỉ thanh toán 1 phần tiền mua hàng để nhận hàng và phần còn lại trả dần trong một thời gian và chịu khoản lãi theo quy định trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.



**Các phương thức thanh toán:*

- Thanh toán bằng tiền mặt: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng,...
- Thanh toán không dùng tiền mặt: Hàng đổi hàng.

3.4. Các khoản giảm trừ doanh thu

** Chiết khấu thương mại:* Là số tiền bên mua được hưởng khi mua hàng với số lượng lớn theo thoả thuận.

Tài khoản sử dụng: **TK 521 - Chiết khấu thương mại:** Phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc thanh toán cho người mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo như thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua bán hàng hoá. Kết cấu cơ bản của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần trong kỳ.

Tài khoản 521 được chia thành 3 tiểu khoản:

TK 5211: Chiết khấu hàng hoá

TK 5212: Chiết khấu thành phẩm

TK 5213: Chiết khấu dịch vụ

**Giảm giá hàng bán:* Là khoản giảm trừ được bên bán chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trong hóa đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng.

Ngoài ra các khoản bớt giá, thưởng cho khách hàng đã mua hàng với khối lượng lớn hoặc khách hàng đã thực hiện một số hợp đồng với doanh nghiệp trong một thời gian nhất định cũng được đưa vào nội dung kế toán giảm giá hàng bán.

Tài khoản sử dụng: TK 532 – Giảm giá hàng bán: Phản ánh toàn bộ các khoản giá cho khách hàng trên giá bán đã ghi trong hợp đồng kinh tế. Kết cấu cơ bản của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận thanh toán cho người mua hàng do hàng kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 để xác định doanh thu thuần trong kỳ.

Chú ý: chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn, tức là sau khi đã phát hành hóa đơn bán hàng. Không phản ánh vào TK 532 số giảm giá đã được ghi trên hóa đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng trị giá bán ghi trên hóa đơn.

Khi hàng đã xác định là tiêu thụ nhưng do hàng hoá không đúng quy cách, phẩm chất hoặc do vi phạm một số cam kết trong hợp đồng kinh tế và người mua trả lại hàng, cần lưu ý:

- Trường hợp trong kỳ, doanh nghiệp đã viết hoá đơn bán hàng và đã thu tiền nhưng cuối kỳ vẫn chưa giao hàng thì chưa được ghi nhận doanh thu mà chỉ ghi nhận số tiền đặt trước của người mua.

- Trường hợp bên bán đã xuất hàng và lập hoá đơn, bên mua chưa nhận hàng nhưng phát hiện hàng hoá sai quy cách, phẩm chất và phải trả lại toàn bộ số hàng hoá. Khi trả lại, bên mua và bên bán phải lập biên bản trả hàng kèm hoá đơn bán hàng gửi cho bên bán làm căn cứ chỉnh kê khai thuế GTGT và doanh số bán hàng.

**Hàng bán bị trả lại:* Là số sản phẩm, hàng hoá khi khác hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

Tài khoản sử dụng: TK 531 – Hàng bán bị trả lại: Phản ánh trị giá của số hàng hoá, dịch vụ đã bán bị khách hàng trả lại do không đúng quy cách phẩm chất hoặc do

vì phạm hợp đồng kinh tế. Kết cấu cơ bản của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Doanh thu của số hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán

Bên Có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào TK 511 để xác định doanh thu thuần trong kỳ.

**Các khoản thuế tính vào giá bán:*

Thuế GTGT nộp trực tiếp: là một loại thuế gián thu, được tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Thuế tiêu thụ đặc biệt: được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất, cần hạn chế mức tiêu thụ vì không phục vụ thiết thực đời sống nhân dân như: bia, rượu, thuốc lá...

Thuế xuất khẩu: được áp dụng với tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Đối tượng nộp thuế là tất cả các đơn vị kinh tế trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu.

III. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

** Nội dung chi phí bán hàng gồm các yếu tố sau:*

1. Chi phí nhân viên bán hàng: Là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ).

2. Chi phí vật liệu bao bì: Là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vật liệu dùng sửa chữa TSCĐ dùng trong quá trình bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hoá.

3. Chi phí dụng cụ đồ dùng: Là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

4. Chi phí khấu hao TSCĐ: Để phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển bốc dỡ.

5. Chi phí bảo hành sản phẩm: Là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hoá trong thời gian bảo hành.

6. Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bãi, thuê bốc dỡ vận chuyển....

7. Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá...

Tài khoản sử dụng: **TK 641 – Chi phí bán hàng:** Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển... Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

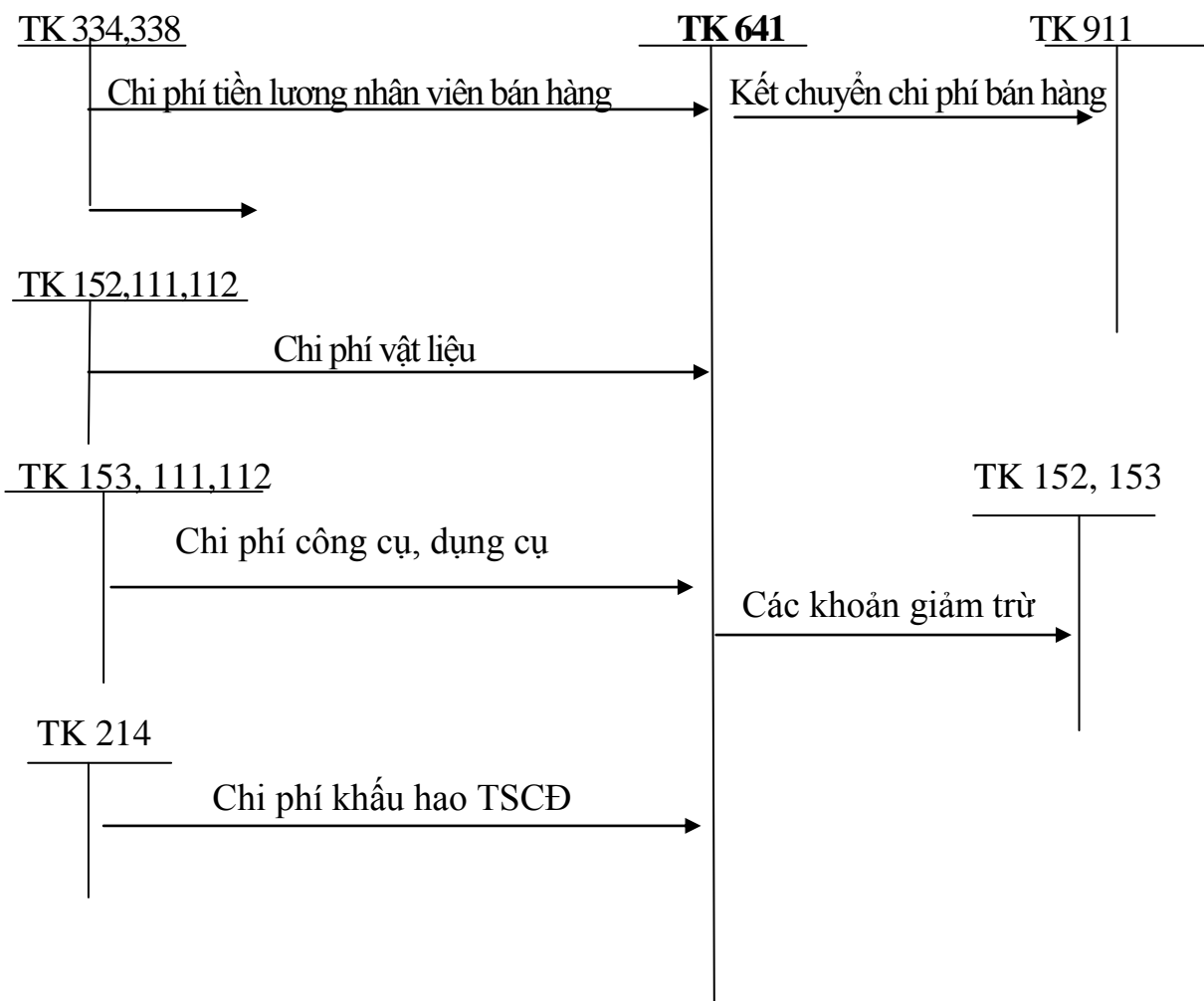
- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng.
- Kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

TK 641 không có số dư.

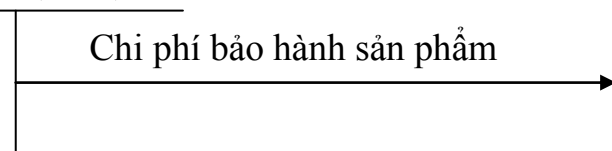
TK 641 được mở chi tiết 7 TK cấp 2:

- TK 6411 – Chi phí nhân viên
- TK 6412 – Chi phí vật liệu
- TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 – Chi phí bảo hành
- TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

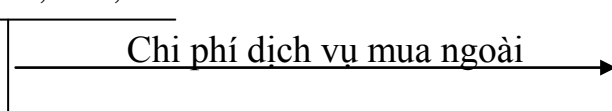
Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng



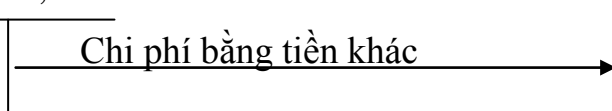
TK 152, 111, 112



TK 111, 112, 331



TK 111, 112



2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho hoạt động chung của toàn doanh nghiệp.

* Nội dung chi phí bán hàng gồm các yếu tố sau:

1. Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp và các khoản trích theo lương (khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ).

2. Chi phí vật liệu phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ các khoản chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ. (Giá có thuế hoặc chưa thuế).

3. Chi phí công cụ dụng cụ và đồ dùng: Là toàn bộ chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp (Giá có thuế hoặc chưa thuế).

4. Chi phí khấu hao tài sản cố định: Là toàn bộ chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: Nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật

kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dung trên văn phòng....

5. Thuế, phí, lệ phí: Là những chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.

6. Dự phòng phải thu khó đòi: Là những chi phí dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

7. Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sang chế,...(không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp; tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

8. Chi phí khác bằng tiền: Là các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã kể trên như: Chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ....

Tài khoản sử dụng: **TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**: Phản ánh toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp. Kết cấu TK 642 được phản ánh như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.
- Trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng phải trả.

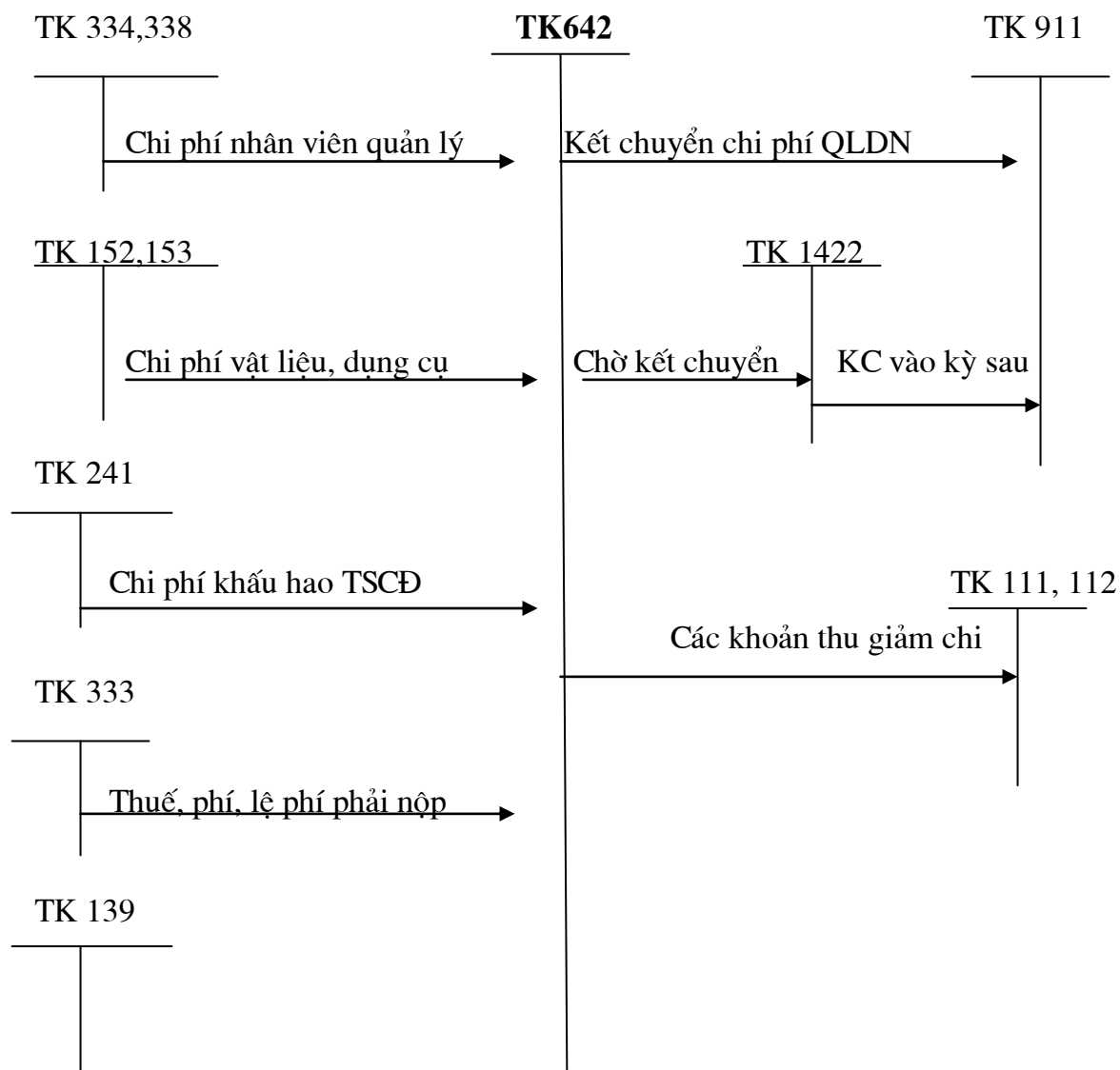
Bên Có:

- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả đã trích lập lớn hơn số phải trích cho kỳ tiếp theo
- Kết chuyển chi phí QLDN để xác định kết quả kinh doanh.

TK 642 không có số dư.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

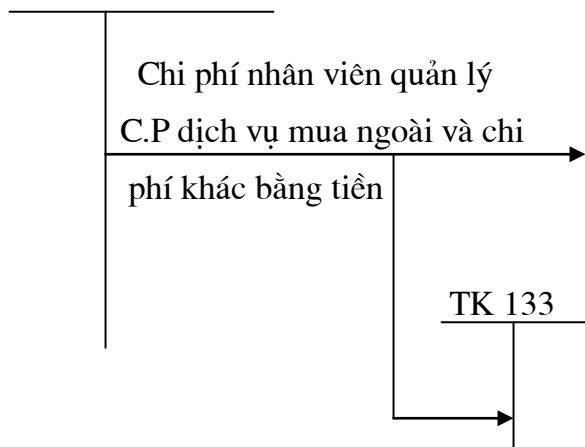
- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 - Chi phí KH TSCĐ
- TK 6425 - Thuế, phí, lệ phí
- TK 6426 - Chi phí dự phòng
- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác



Trích lập dự phòng nợ phải thu

khó đòi

TK 331,111,112



3. Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1. Tiền lương, các khoản trợ cấp phụ cấp của nhân viên bán hàng... và các khoản trích theo lương (trích BHXH, BHYT, KPCĐ) theo tỉ lệ quy định.

Nợ TK 641,642 – Tổng chi phí

Có TK 334 - Phải trả CNV

Có TK 338 - Phải trả phải nộp khác

2. Trị giá vốn thực tế của vật liệu bao bì xuất dùng cho quá trình bán hàng.

Nợ TK 6412 – Chi phí vật liệu

Có TK 152 – Nguyên vật liệu

3. Trị giá vốn thực tế của công cụ dụng cụ xuất dùng trong tháng.

+ Nếu loại phân bổ 1 lần

Nợ TK 641,642

Trị giá CCDC xuất dùng

Có TK 153

+ Nếu loại phân bổ nhiều lần

-Phản ánh trị giá vốn thực tế CCDC xuất dung

Nợ TK 142, 242 – TG trên hoặc dưới 1 năm

Có TK 153 – Công cụ dụng cụ

-Trong kỳ phân bổ tính vào trị giá bán hàng

Nợ TK 641,642 | Trị giá phân bổ trong kỳ

Có TK 142, 242

4. Trích KH TSCĐ ở bộ phận bán hàng:

Nợ TK 641,642 | Trị giá khấu hao

Có TK 241

5. Trường hợp phát sinh chi phí trong quá trình bảo hành sản phẩm.

Nợ TK 641 – Tổng chi phí

Có TK 152,111

Có TK 155

6. Chi phí điện mua ngoài liên quan đến các bộ phận.

Nợ TK 641,642 – CP chưa thuế

Nợ TK 133 - Thuế GTGT đc khấu trừ

Có TK liên quan(111,112,141,331...)

7. Trích trước chi phí năm trong kế hoạch:

Nợ TK 641,642 | Khoản chi phí trích trước

Có TK 335

-Chi phí bằng tiền khác

Nợ TK 641,642 – Tổng chi phí

Có TK 111,112 - Tiền mặt

8. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng

Nợ 152,138(8),111

Có TK 641,642

Cuối kỳ kết chuyển:

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 641 – Chi phí bán hàng

Có TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

IV. Kế toán doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

1. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là giá trị các lợi ích kinh tế Doanh nghiệp thu được liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính, bao gồm một số nội dung sau:

- Tiền lãi từ cho vay ngắn hạn hoặc dài hạn
- Lãi từ bán chứng khoán, cổ tức được chia
- Lãi thu được từ hoạt động góp vốn liên doanh liên kết
- Lãi tỷ giá hối đoái do chênh lệch trong quan hệ thanh toán
- Thu từ chiết khấu thanh toán được hưởng
- Thu từ lãi bán hàng trả chậm, trả góp

Tài khoản sử dụng: **TK 515** – Doanh thu hoạt động tài chính: Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

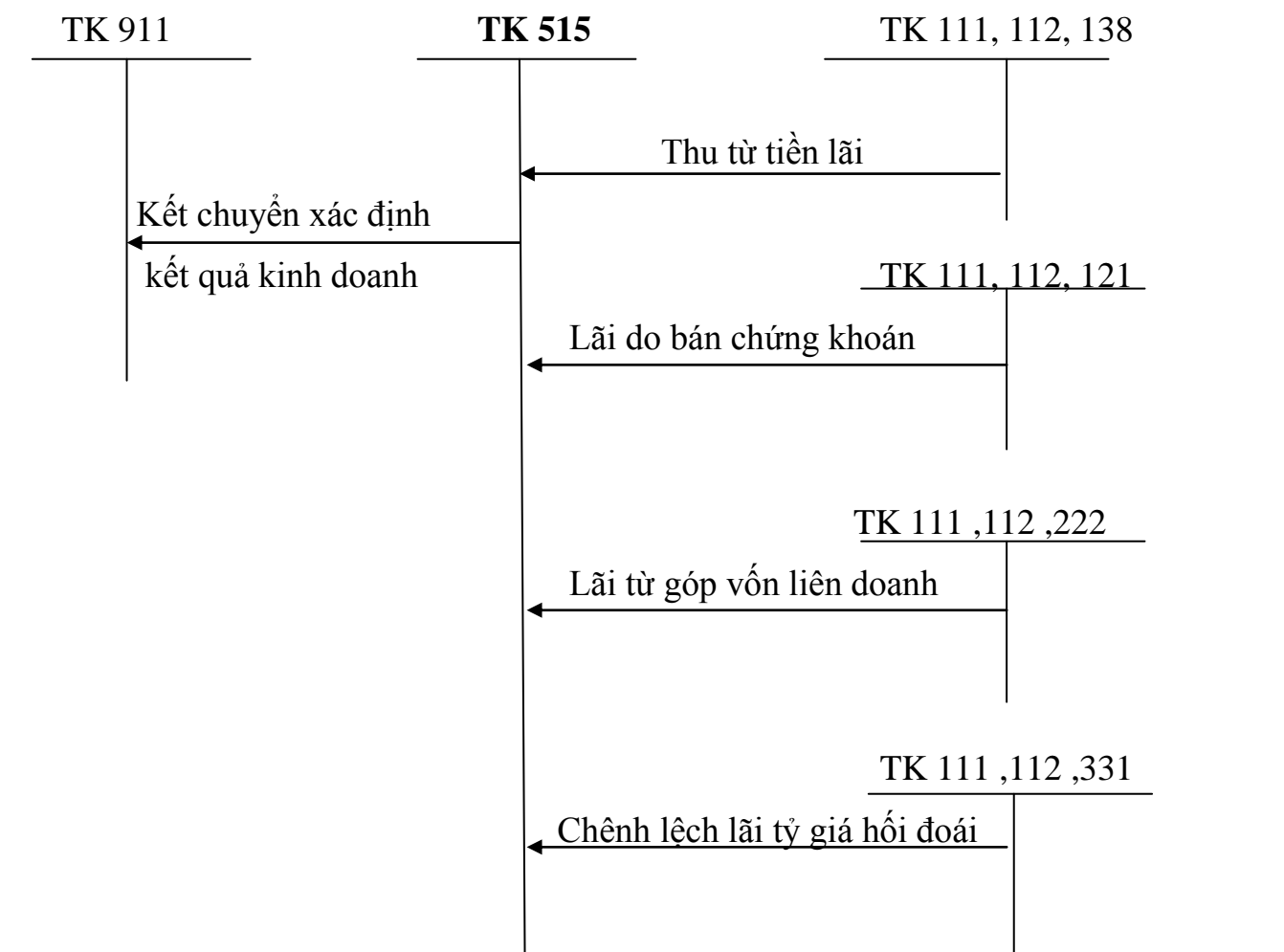
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái vào hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính



TK 331, 111 ,112

Chiết khấu thanh toán được hưởng

2. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn đầu tư tài chính. Bao gồm một số nội dung sau:

- Chi trả tiền lãi từ đi vay
- Lãi từ bán chứng khoán
- Lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái trong quan hệ thanh toán
- Chi chiết khấu thanh toán
- Tiền lãi từ mua hàng theo hình thức trả chậm, trả góp.

Tài khoản sử dụng: **TK 635** – Chi phí hoạt động tài chính: Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái... Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

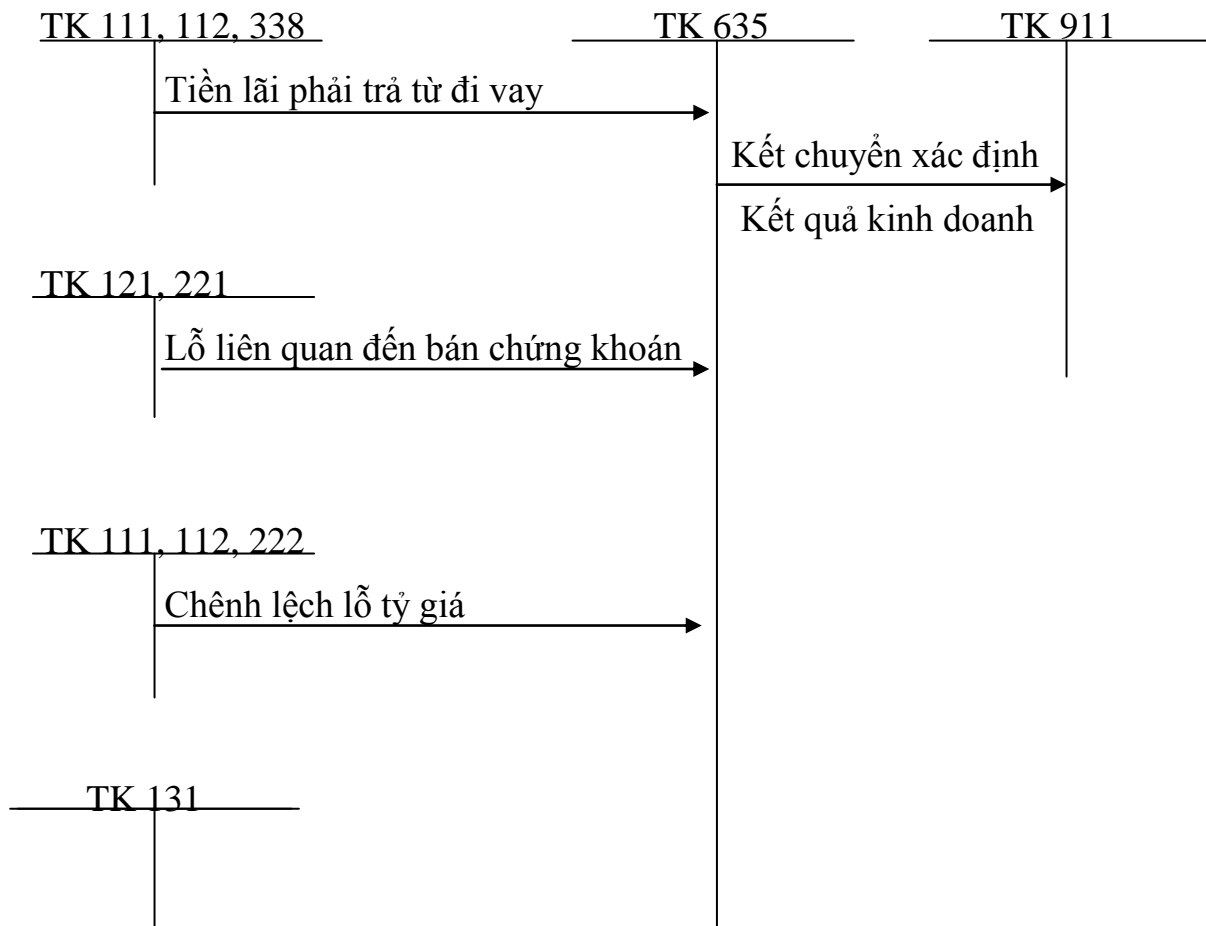
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;

- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Trình tự kế toán chi phí hoạt động tài chính



TK 11, 112, 131

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng →

V. Kế toán chi phí khác, thu nhập hoạt động khác

1. Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Chi phí khác bao gồm một số nội dung sau:

- Giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý nhượng bán
- Chi phí liên quan đến thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản cố định
- Chi cho tài trợ, viện trợ, biếu tặng
- Số tiền doanh nghiệp bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Chi phí về lãi tiền vay vượt mức khống chế
- Tiền phạt do vi phạm chế độ, thể lệ kinh tế tài chính của Nhà nước
- Các khoản trích trước vào chi phí nhưng thực tế không chi
- Chi phí tiền ăn giữa ca vượt mức chi phí
- Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết, giao dịch đối ngoại, hoa hồng môi giới, hội nghị vượt mức quy định

- Chi phí tiền lương, tiền công không được tính vào chi phí do vi phạm chế độ hợp đồng lao động
- Chi phí cho những thành viên không điều hành doanh nghiệp
- Chi phí khấu hao không đúng quy định

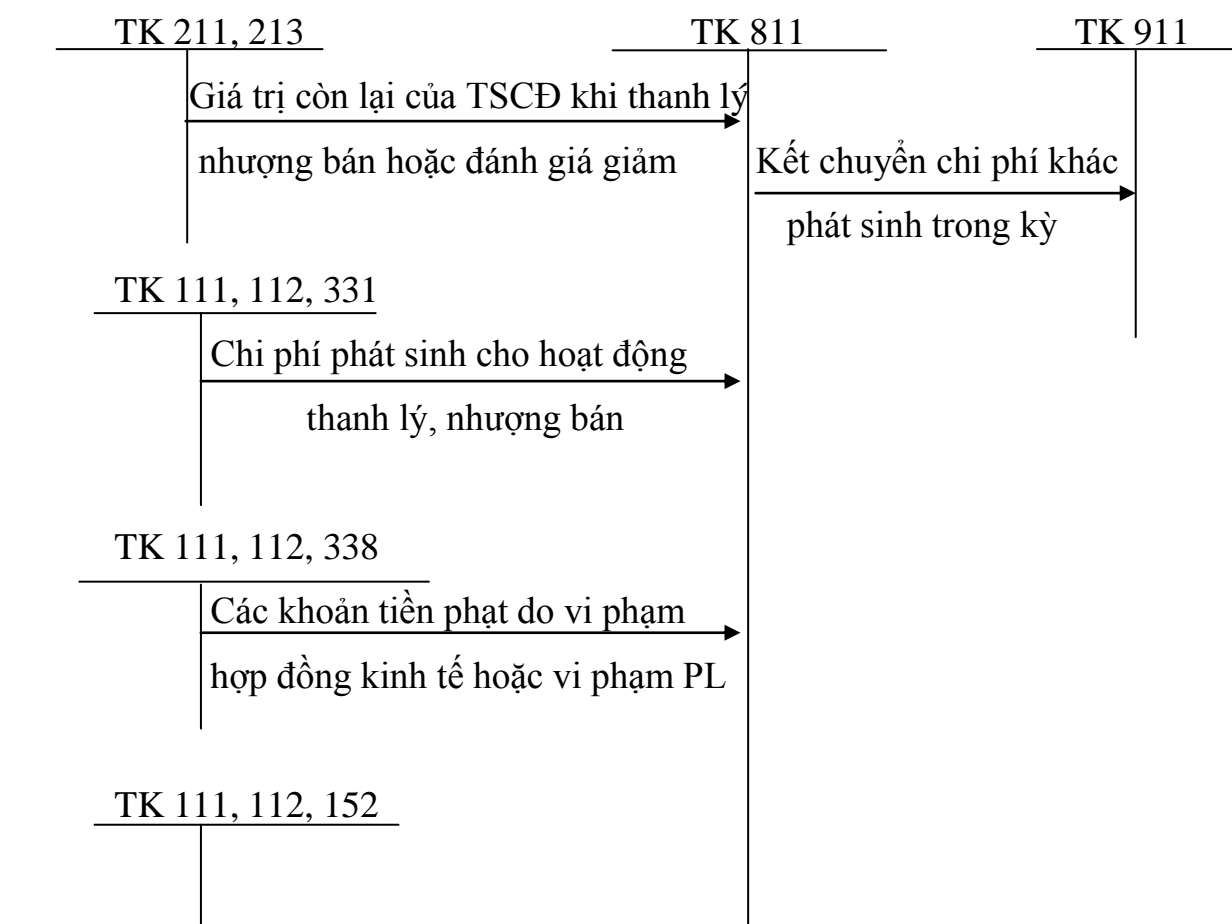
Tài khoản sử dụng: **TK 811** – Chi phí khác: Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do những sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản chi phí khác không có số dư cuối kỳ.

Trình tự kế toán chi phí khác



Chi cho tài trợ, viện trợ, biếu tặng

TK 333

Các khoản tiền bị phạt thuế,
truy nộp thuế

TK 111, 112, 141...

Các khoản chi phí khác phát sinh,
như chi khắc phục tổn thất do
gặp rủi ro trong kinh doanh

2. Thu nhập khác

Thu nhập khác là các giá trị lợi ích doanh nghiệp thu được ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Nội dung của thu nhập khác bao gồm:

- Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Thu từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu

- Thu nhập bằng quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Tài khoản sử dụng: **TK 711** – Thu nhập khác: Phản ánh những khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kết cấu của tài khoản này như sau:

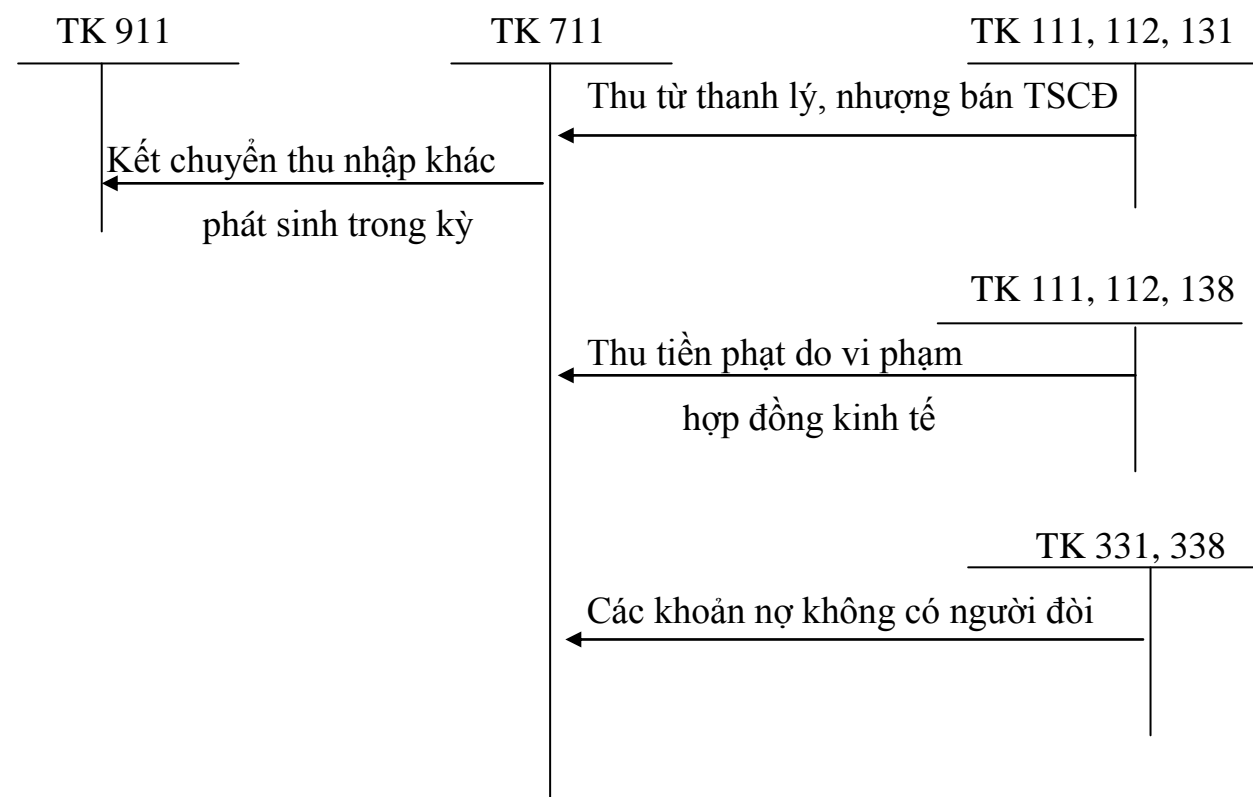
Bên Nợ: - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

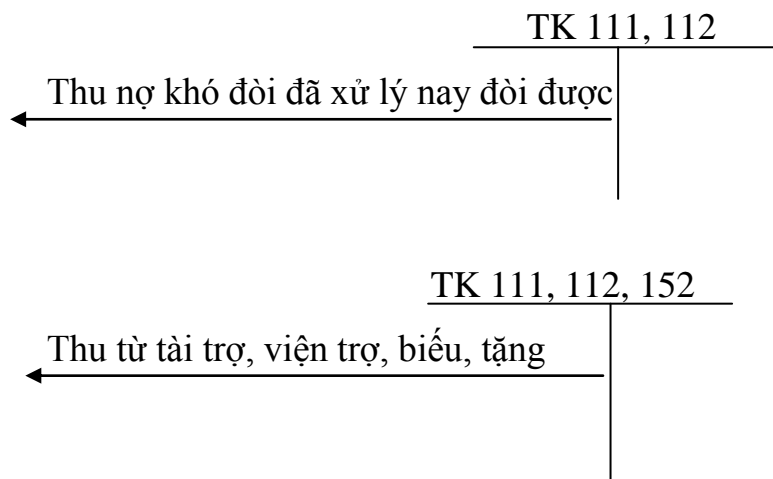
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.

Trình tự kế toán thu nhập khác





VI. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng bán bao gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Xác định kết quả kinh doanh:

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Tổng doanh thu, thu nhập} - \text{Tổng chi phí}$$

Kế toán sử dụng TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

TK này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của trong doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

Hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.
- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, thương mại, dịch vụ...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán cho tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.
- Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

Kết cấu và nội dung của tài khoản này như sau:

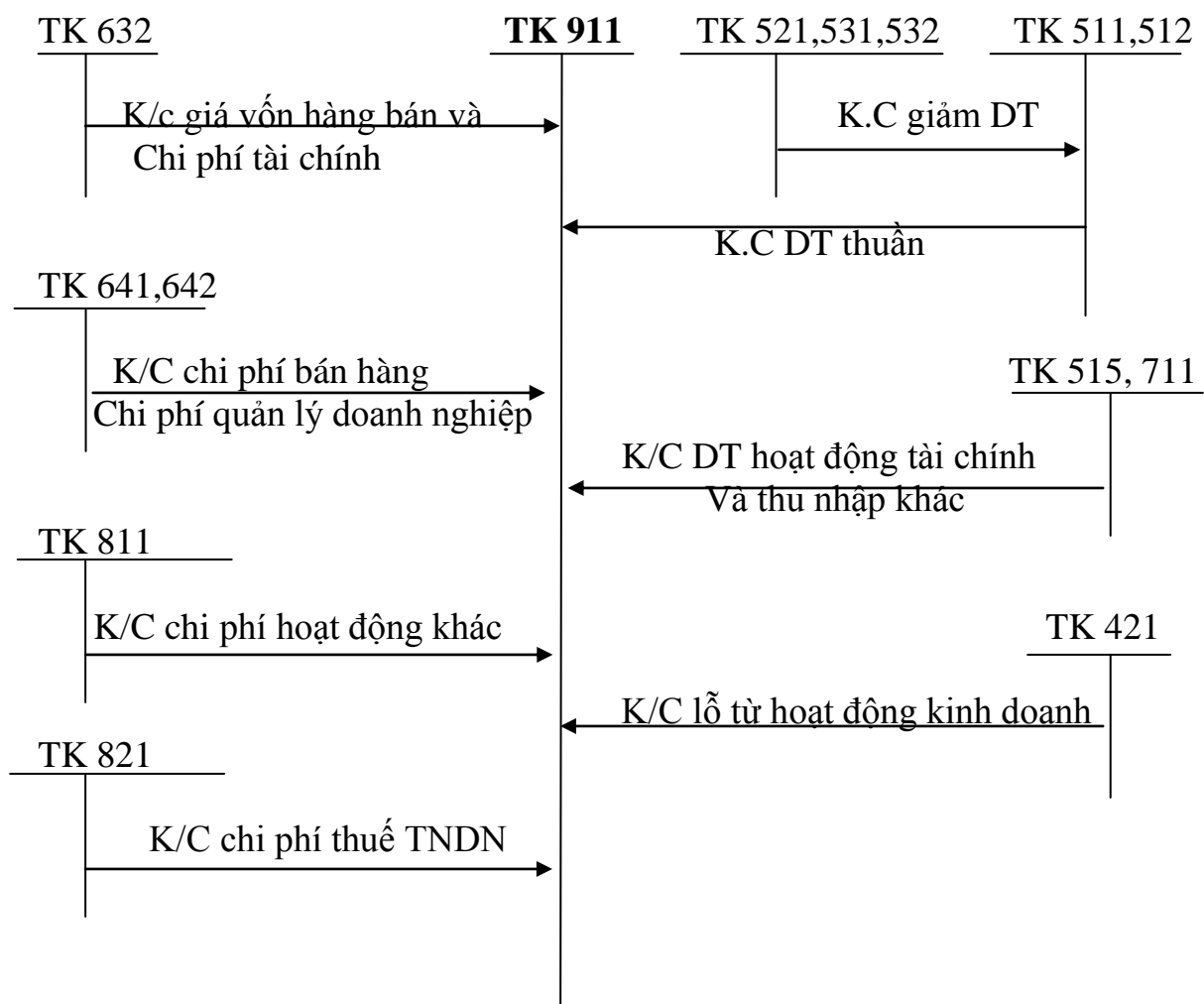
Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Chi phí tài chính trong kỳ
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí khác trong kỳ
- Kết chuyển số lãi từ hoạt động kinh doanh trong kỳ

Bên Có:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ từ hoạt động kinh doanh.

Sơ đồ kế toán tổng hợp



TK 421

K/C lãi từ hoạt động kinh doanh

3. Thực trạng công tác kế toán tại Công ty Năng lượng Bình An

Những chứng từ mang tính chất bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước. Công ty có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán... tùy theo đặc điểm tình hình cụ thể tại doanh nghiệp, với các chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc phải được lập kịp thời đầy đủ theo quy định về biểu mẫu, nội dung, phương pháp lập, người lập phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trong việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Từ chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, rồi mới vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 05 tháng 11 năm 2010

Số :.....

Nợ TK 155

Có TK 154

Họ tên người giao hàng: Cao Trung Dũng

Theo :..... Ngày 05 tháng 11 năm 2010

Nhập tại kho: A1.....Địa điểm : Nhà máy sản xuất

TT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật t□ (SP hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4

1	Bình 12kg	B12	Chiếc	4.896	4.896		
	Cộng						

Cộng thành tiền (Bằng chữ) :

Xuất ngày 05 tháng 11 năm 2010

Người lập

Người giao hàng

Thủ kho

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 14 tháng 11 năm 2010

Nợ TK 632 :

Có TK 155 :

Họ tên người nhận hàng : **Chu Trọng Hiếu**

Lí do xuất kho: **Bán hàng**

Xuất tại kho: **A1**

TT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (SP hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1.	Bình 12kg	B12	Chiếc	2.103	2.103		
2.	Bình 12kg	B12	Chiếc	3.040	3.040		
3.	Bình 12kg	B12	Chiếc	2.470	2.470		
	Cộng			7.613	7.613		

Cộng thành tiền (bằng chữ) :

Xuất ngày 10 tháng 11 năm 2010

Người giao hàng**Người nhận hàng****Thủ kho****THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: ngày ... tháng... năm

Tờ số: ...

- Tên nhãn hiệu: Bình 12kg
- ĐVT: chiếc
- Mã số: B12

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	số hiệu	ngày tháng			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu kỳ				3.000	
1		2/11		2/11	5.503		8.503	
2		5/11		5/11	4.896		13.399	
3		7/11		7/11	5.200		18.599	
4		10/11		10/11	5.721		24.320	
5		13/11		13/11	5.650		29.970	
6		14/11		14/11		7.613	22.357	
7		17/11		17/11	4.490		26.847	

8		21/11		21/11	4.980		31.827	
9		23/11		23/11		2.470	29.357	
10		24/11		24/11	5.700		35.057	
11		26/11		26/11		2.943	32.114	
12		27/11		27/11	5.877		37.991	
13		30/11		30/11		33.591	4.400	
				Tồn CK				4.400

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 14 tháng 11 năm 2010

Đơn vị bán hàng : **Công ty Năng lượng Bình An**

Địa chỉ : Số 57 Bến Bính – Hồng Bàng -Hải Phòng

Số tài khoản: 003.1.00.0002144 - NH Ngoại thương - Hải Phòng

Mã số thuế : 01001073490041

Đơn vị mua hàng: **Công ty TNHH Đầu tư Dầu khí Hà Nội**

Địa chỉ : Dốc Lã, Yên Thường, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội.

Hình thức thanh toán : Tiền gửi ngân hàng

TT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bình 12kg	Chiếc	2.470	408.600	1.009.242.000

	Cộng tiền hàng				1.009.242.000
	Thuế GTGT(10%)				100.924.200
	Tổng cộng tiền thanh toán:				1.110.166.200
Số tiền viết bằng chữ: một tỷ một trăm mười triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm đồng.					

Người mua hàng
(Kí, ghi họ tên)

Người bán hàng
(Kí, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, ghi họ tên)

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 14 tháng 11 năm 2010

Đơn vị bán hàng : **Công ty Năng lượng Bình An**

Địa chỉ : Số 57 Bến Bính – Hồng Bàng -Hải Phòng

Số tài khoản : 003.1.00.0002144 - NH Ngoại thương - Hải Phòng

Mã số thuế : 01001073490041

Đơn vị mua hàng : **Công ty TNHH Khí Đốt Thăng Long**

Địa chỉ :

Hình thức thanh toán : Tiền gửi ngân hàng

TT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bình 12kg	Chiếc	2.103	436.000	916.908.000

	Cộng tiền hàng				916.908.000
Thuế GTGT(10%)					91.690.800
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.108.598.800
Số tiền viết bằng chữ: một tỷ một trăm linh tám triệu năm trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng					

Người mua hàng
(Kí, ghi họ tên)

Người bán hàng
(Kí, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, ghi họ tên)

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 14 tháng 11 năm 2010

Đơn vị bán hàng : **Công ty Năng lượng Bình An**

Địa chỉ : Số 57 Bến Bính – Hồng Bàng -Hải Phòng

Số tài khoản : 003.1.00.0002144 - NH Ngoại thương - Hải Phòng

Mã số thuế : 01001073490041

Đơn vị mua hàng: **Công ty TNHH Dầu khí Thanh Hoá**

Địa chỉ : Số 64 Long Thành, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng..

Hình thức thanh toán : Tiền gửi ngân hàng

TT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bình 12kg	Chiếc	3.040	414.765	1.260.885.600

	Cộng tiền hàng				1.260.885.600
	Thuế GTGT(10%)				126.088.560
	Tổng cộng tiền thanh toán:				1.386.974.160
Số tiền viết bằng chữ: một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi đồng					

Người mua hàng
(Kí, ghi họ tên)

Người bán hàng
(Kí, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, ghi họ tên)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 93

Ngày 14 tháng 11 năm 2010

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Bán bình 12kg(hoá đơn : 0070661 ngày 10/10/2010)	131	511	916.908.000
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	131	3331	91.690.800
Bán bình 12kg (hoá đơn : 0070662 ngày 10/10/2010)	131	511	1.260.885.600
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	131	3331	126.088.560
Bán bình 12kg (hoá đơn : 00706630 ngày 10/10/2010)	131	511	1.009.242.000
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	131	3331	100.924.200
Tổng cộng			3.505.739.160

Số lượng chứng từ đính kèm : 03 chứng từ gốc

Từ chứng từ phát sinh ta vào sổ “Đăng ký chứng từ ghi sổ”

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại	Ngày tháng	SHC T	Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Thành tiền	
				TK nợ	Có	Nợ	Có
pt	2/11/2010	91	Rút tiền gửi nhập quỹ- B.A.C	111	112	200.000.000	200.000.000
pn	2/11/2010		Nhập kho thành phẩm	155	154	2.228.715.000	2.228.715.000
px	3/11/2010		Xuất kho tôn thép sản xuất sản phẩm	621	152	3.645.540	3.645.540
pn	3/11/2010		Mua tay xách bình gas	621	331	120.000.000	120.000.000
pn	3/11/2010		Mua tay xách bình gas	133	331	12.000.000	12.000.000
						
pc	6/11/2010	232	Lệ phí xăng dầu	6422	111	596.273	596.273
pc	6/11/2010	232	Lệ phí xăng dầu	133	111	47.966.094	47.966.094
pc	8/11/2010	233	Phí nâng hạ kiểm hóa, vận chuyển	1543	111	4.028.500	4.028.500
pc	8/11/2010	233	Tạm ứng gia công tay xách	141	111	5.000.000	5.000.000
pc	8/10/2009	234	Rút tiền gửi nhập quỹ-VIB	111	112	300.000.000	300.000.000
pc	8/11/2010	234	Nộp tiền bán phế liệu	111	131	10.098.000	10.098.000
pt	10/11/2010	93	Nộp tiền bán bếp gas, van điều áp	111	511	1.325.000	1.325.000
pt	10/11/2010	93	Nộp tiền bán bếp gas, van điều áp	111	3331	132.500	132.500
pc	10/11/2010	93	Phí vận chuyển tôn cuộn	152	331	39.750.500	39.750.500
pc	10/11/2010	93	Phí vận chuyển tôn cuộn	133	331	3.975.050	3.975.050

	10/11/2010		Phí lưu kho 9 ngày	632	156	41.409.950	41.409.950
						
hd	20/11/10	237	Mua thuốc hàn	152	331	106.000.000	106.000.000
			Mua thuốc hàn	133	331	53.000.000	53.000.000
unc	20/11/10	96	Thanh toán tiền mua tôn cuộn	331	112	114.239.932	114.239.932
pc	26/11/10	96	Mua găng tay bảo hộ cho công nhân	627	111	15.000.000	15.000.000
Pc	26/11/10	242	Mua găng tay bảo hộ cho công nhân	133	111	7.500.000	7.500.000
Pc	26/11/10	242	Phí vận chuyển gas	641	331	28.917.000	28.917.000
hd	26/11/10		Phí vận chuyển gas	133	331	2.891.700	2.891.700
hd	26/11/10	251	Bán bình 12kg cho công ty TNHH khí đốt Thăng Long	331	511	1.209.573.000	1.209.573.000
hd	26/11/10	99	Bán bình 12kg cho công ty TNHH khí đốt Thăng Long	331	331	120.957.300	120.957.300
hd	26/11/10	99	Bán bình 12kg cho công ty TNHH Dầu khí Thanh Hóa	331	511	346.788.000	346.788.000
hd	36/11/10	250	Bán bình 12kg cho công ty TNHH Dầu khí Thanh Hóa	331	331	34.678.800	34.678.800
						
	30/11/10		Kết chuyển DT bán hàng	511	911	21.813.580.249	21.813.580.249
	30/11/10		Kết chuyển DT H Đ TC	515	911	4.080.006	4.080.006
	30/11/10		Kết chuyển giá vốn bán hàng	911	632	19.873.497.670	19.873.497.670
	30/11/10		Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	66.305.824	66.305.824
	30/11/10		Kết chuyển chi phí BH	911	641	50.942.891	50.942.891
	30/11/10		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	486.040.645	486.040.645
	30/11/10		Kết chuyển lãi sau thuế	911	421	1.458.121.935	1.458.121.935
			Tổng cộng			52.678.956.231	52.678.956.231

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 11 năm 2010

Tài khoản : 111

CT	Ngày tháng	SH CT	Diễn giải		Số tiền		
					Thu	Chi	Tồn
			Tồn đầu kỳ				<u>72.887.149</u>
pt	2/11	91	Rút tiền gửi nhập quỹ-VIB	112	200.000.000		272.887.149
pc	2/11	232	Lệ phí xăng dầu	6272		596.273	272.290.876
pc	2/11	232	Lệ phí xăng dầu	6273		47.966.094	224.324.782
pc	3/11	233	Phí nâng hạ kiểm hóa, vận chuyển	627		4.028.500	220.296.282
pt	3/11	92	Thu hồi tạm ứng gia công tay xách	331	5.000.000		225.296.282
pt	3/11	93	Rút tiền gửi nhập quỹ-VIB	112	300.000.000		525.296.282
pt	3/11	94	Nộp tiền bán phế liệu	131P	10.098.000		395.450.282
pt	4/11	96	Nộp tiền bán bếp gas, van điều áp	131B	1.325.000		386.775.282
pc	5/11	234	Phí vận chuyển tôn cuộn	627		39.750.500	347.024.782
pc	5/11	235	Phí lưu kho 9 ngày	627		41.409.950	305.614.832
....
pt	20/11	112	Thu hồi tạm ứng	141	10.746.000		454.564.568
pc	20/11	255	Chi phí công tác	642		1.526.000	453.038.568
pc	20/11	256	Phí điện thoại T10	1331		221.455	452.817.113
pc	20/11	257	Phí điện thoại T10	642		2.214.546	450.602.567
....
pc	30/11	273	Tiếp khách	642		2.792.700	226.474.400
pc	30/11	274	Tạm ứng mua vật tư sản xuất	141		10.000.000	216.474.400
			Cộng phát sinh		789.891.752	648.739.101	
			Dư cuối kỳ				214.039.800

DOANH THU THÁNG 10-2009

SỔ CÁI DOANH THU BÁN HÀNG

Tháng 11 năm 2010

Tài khoản 511

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái tài khoản 511, cuối kỳ kết chuyển

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
SH	Ngày tháng	Số chứng từ			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Phát sinh trong kỳ			-
pt	7/11/2010		Bán ống mềm cho CT TNHH Total gas Hải Phòng	111		60.000.000
ctt	7/11/2010		Bán ống mềm cho CT TNHH Cơ nhiệt điện Thái Dương	131		15.454.545
pt	10/11/2010		Bán bình nén khí cho CT HH Thực nghiệp Đạt Kiến	111		23.000.000
		
	14/11/2010		Bán bình 12kg cho cty TNHH Khí Đốt Thăng Long	111		91.690.800
	14/11/2010		Bán bình 12kg cho cty TNHH Dầu khí Thanh Hoá			1.260.885.600
	14/11/2010		Bán bình 12kg cho cty TNHH Đầu tư Dầu khí Hà Nội			1.009.242.000
		
	31/10/2009		Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	21.813.580.249	
			Cộng phát sinh		21.813.580.249	21.813.580.249
			Số dư cuối kỳ		-	-

doanh thu.

Nợ TK 511: 21.813.580.249

Có TK 911: 21.813.580.249

SỔ CÁI DOANH THU TÀI CHÍNH

Tháng 11 năm 2010

Tài khoản 515

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
SH	Ngày tháng	Số chứng từ			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Phát sinh trong kỳ			
nhsb	31/12/2010		Lãi tiền gửi ngân hàng	112		4.080.006
	31/12/2010		Kết chuyển doanh thu tài chính	911	4.080.006	
			Cộng phát sinh		4.080.006	4.080.006
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái tài khoản 511, cuối kỳ kết chuyển doanh thu tài chính.

Nợ TK 515: 4.080.006

Có TK 911: 4.080.006

SỔ CÁI GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 11 năm 2010

TK 632

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
SH	Ngày tháng	Số chứng từ			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Phát sinh trong kỳ			-
pc	7/11/2010		Bán ống mềm cho CT TNHH Total gas Hải Phòng	155	50.730.000	60.000.000
px	7/11/2010		Bán ống mềm cho CT TNHH Cơ nhiệt điện Thái Dương	155	12.579.000	15.454.545
px	10/11/2010		Bán bình nén khí cho CT HH Thực nghiệp Đạt Kiến	155	17.000.000	23.000.000
					
px	14/11/2010		Bán bình 12kg cho cty TNHH Khí Đốt Thăng Long	155	856.743.200	91.690.800
pc	14/11/2010		Bán bình 12kg cho cty TNHH Dầu khí Thanh Hoá	155	39.075.600	1.260.885.600
pc	14/11/2010		Bán bình 12kg cho cty TNHH Đầu tư Dầu khí Hà Nội	155	4.965.750	1.009.242.000
.....	
			Kết chuyển giá vốn	911		19.756.248.955
			Cộng phát sinh		19.756.248.955	19.756.248.955
			Dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái tài khoản 632, cuối kỳ kết chuyển giá vốn hàng bán.

Nợ TK 911: 19.756.248.955

Có TK 632: 19.756.248.955

SỔ CÁI CHI PHÍ BÁN HÀNG

Tháng 11 năm 2010

TK 641

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
SH	Ngày tháng	Số chứng từ			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Phát sinh trong kỳ			
nhscb	16/10/09	239	Tiền thuê cửa hàng	111	15.000.000	
pc	20/10/09	244	Điện thoại cửa hàng	111	2.214.542	
Pc	24/10/09	254	Phí vận chuyển	111	1.700.000	
unc	25/10/09		Hoa hồng cho môi giới	112	3.000.000	
Pc	25/10/09		Lắp cửa cuộn	111	5.548.349	
	31/10/09		Tính lương t10 của bp BH	334	13.570.000	
	31/10/09		Trích khấu hao TSCĐ	214	10.000.000	
	31/10/2009		Kết chuyển chi phí bán hàng	911		50.942.891
			Cộng phát sinh		50.942.891	50.942.891
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái tài khoản 641, cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng.

Nợ TK 911: 50.942.891

Có TK 641: 50.942.891

SỔ CÁI CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Tháng 11 năm 2010

TK 642

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
SH	Ngày tháng	Số chứng từ			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Phát sinh trong kỳ			
pc	3/11/2010	234	Lệ phí xăng dầu	111	1.406.370	
pc	3/11/2010	235	Vé máy bay HP-HCM, HCM-HP	111	8.569.000	
pc	4/11/2010	240	Phí công tác	111	1.526.000	
.....
pc	20/11/2010	243	Điện văn phòng	111	2.571.250	
pc	20/11/2010	245	Văn phòng phẩm	111	1.570.000	
pc	20/11/2010	232	Điện thoại văn phòng	111	2.214.546	
.....
	30/11/2010		Tiếp khách	111	2.792.700	
	30/11/2010		Tính lương QLDN	334	55.500.000	
	30/11/2010		Kết chuyển chi phí QLDN	911		66.305.824
			Cộng phát sinh		66.305.824	66.305.824
			Số dư cuối kỳ		-	-

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái tài khoản 642, cuối kỳ kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.

Nợ TK 911: 66.305.824

Có TK 641: 66.305.824

SỔ CÁI CHI PHÍ THUẾ

Tháng 11 năm 2010

TK 821

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
SH	Ngày tháng	Số chứng từ			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Phát sinh trong kỳ			
	30/10/09		CP Thuế TNDN	3334	486.040.645	
	30/10/09		Kết chuyển CP Thuế TNDN	911		486.040.645
			Cộng phát sinh		486.040.645	486.040.645
			Số dư cuối kỳ		-	-

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái tài khoản 821, cuối kỳ kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nợ TK 911: 486.040.645

Có TK 821: 486.040.645

SÔ CÁI XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Tháng 11 năm 2010

TK 911

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
SH	Ngày tháng	Số chứng từ			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Phát sinh trong kỳ			
	30/10/09		Kết chuyển doanh thu thuần	511		21.813.580.249
	30/10/09		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		4.080.006
	30/10/09		Kết chuyển GVHB	632	19.873.497.670	
	30/10/09		Kết chuyển CPBH	6421	50.942.891	
	30/10/09		Kết chuyển CPQL	6422	66.305.824	
	30/10/09		Kết chuyển CP Thuế TNDN	821	486.040.645	
	30/10/09		Kết chuyển lãi	421	1.458.121.935	
			Cộng phát sinh		21.817.660.255	21.817.660.255
			Số dư cuối kỳ		-	-

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tập hợp các chi phí để xác định kết quả kinh doanh, xác định lãi (lỗ) của doanh nghiệp trong kỳ.

Nợ TK 911: 1.458.121.935

Có TK 421: 1.458.121.935

Phần III:**Một số kiến nghị nhằm thực hiện công tác thành phẩm, giá vốn, bán hàng và xác định kết quả bán hàng**

Cùng với sự phát triển không ngừng của các hoạt động kinh tế, hạch toán kế toán là công cụ quản lý kinh tế ngày càng được hoàn thiện và chứng tỏ được sự cần thiết của mình đối với mọi doanh nghiệp. Trong thời đại thông tin hiện nay công tác kế toán có nhiệm vụ là phải đưa ra được những thông tin chính xác và kịp thời, phục vụ yêu cầu của nhà quản lý trong mọi lúc. Việc nghiên cứu thực tiễn công tác kế toán để sao cho phù hợp với chế độ kế toán mới, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty và phục vụ công tác quản lý kinh doanh sao cho đạt được hiệu quả cao nhất là việc quan trọng tất yếu của mỗi doanh nghiệp

Dưới đây là một số nhận xét hạch toán của doanh nghiệp trong công tác kế toán của Công ty :

Về công tác tổ chức bộ máy kế toán.

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức vừa tập trung vừa phân tán là phù hợp với việc tổ chức bộ máy quản lý và phân công quản lý. Tuy nhiên trong thời gian tới, công ty còn phải chú trọng nữa trình độ chuyên sâu của các nhân viên phòng kế toán để phù hợp với sự phát triển của công ty và để cạnh tranh được trên thị trường.

Kế toán là công cụ sắc bén của quản lý kinh tế, tuy hiện nay khi áp dụng chế độ kế toán mới có nhiều ưu điểm nhưng vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại đòi hỏi Công ty phải thường xuyên cải tiến và hoàn thiện, nâng cao chất lượng của công tác kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời và chính xác thông tin cho nhà quản lý.

Về phần hình thức kế toán công ty sử dụng:

Công ty đang sử dụng hình thức –“ Chứng từ ghi sổ” đây là hình thức rất phù hợp với đặc điểm và quy mô của Công ty. Vì quy mô của công ty lớn nên hàng ngày phát sinh rất nhiều nghiệp vụ. Tuy nhiên rất phức tạp khi phải kết hợp nhiều nội dung hạch toán trên một trang sổ. Do vậy mỗi động tác ghi chép của kế toán phải liên quan đến nhiều sổ kế toán nhưng giúp

giảm bớt được khối lượng ghi chép và cung cấp thông tin kịp thời.

Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu:

Việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào chứng từ làm căn cứ cho hạch toán tổng hợp và chi tiết. Các chứng từ đều được lập theo mẫu của bộ tài chính và đã được kế toán xử lý cho phù hợp với việc hạch toán tại đơn vị mình nhưng cũng phải đảm bảo thực hiện ghi chép đúng, đầy đủ, đảm bảo chặt chẽ, hợp lý đúng quy định.

Quá trình luân chuyển chứng từ là quá trình qua nhiều bước, nhiều thủ tục nên chứng từ được công ty giám sát khá chặt chẽ. Đối với những chứng từ kế toán lập không đúng thủ tục, nội dung và con số không rõ ràng thì tiến hành kiểm tra hoặc ghi sổ phải trả lại hoặc báo cho nơi lập chứng từ để làm lại. Việc lưu trữ chứng từ kế toán đã sử dụng được sắp xếp, phân loại đảm bảo theo đúng quy định của chế độ lưu trữ chứng từ, tài liệu kế toán của nhà nước.

Về tài khoản sử dụng:

Công ty đang thực hiện hệ thống tài khoản Kế toán doanh nghiệp hiện hành của nhà nước và mở thêm một số tài khoản chi tiết để theo dõi cho từng mặt hàng, chi tiết cho từng khách hàng nợ và phải thu... Các tài khoản sử dụng tại Công ty đều được áp dụng theo đúng chế độ kế toán ban hành về hệ thống tài khoản trong doanh nghiệp. Do đặc điểm kinh doanh nên Công ty đã cải tiến mà cụ thể là thêm một số điều khoản để phù hợp. Đối với việc thực hiện hai luật thuế mới là thuế GTGT và thuế thu nhập cá nhân của doanh nghiệp đã được kế toán Công ty vận dụng thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Hiện tại công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Mặc dù vậy, trên thực tế việc thực hiện công tác hạch toán kế toán ở Công ty vẫn còn nhiều thiếu sót cần phải khắc phục như : nội dung hạch toán một số nghiệp vụ chưa đúng quy định, việc tổ chức hạch toán kinh tế chưa áp dụng được yêu cầu giúp cho việc đánh giá đúng đắn và hiệu quả. Do đó việc hoàn thiện hạch toán nghiệp vụ kế toán là một yêu cầu tất yếu, cần thiết nhằm củng cố nâng cao vai trò, vị trí của kế toán trong công tác quản lí của doanh nghiệp.

